

**ARTEX** 2014  
*Securities*

**Báo cáo Thường niên**

# Nội dung

---

## **2 THÔNG TIN CHUNG**

- 2 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
- 3 Tổng quan về công ty
- 5 Lịch sử phát triển
- 6 Lĩnh vực hoạt động
- 7 Các rủi ro
- 9 Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
- 10 Sơ đồ tổ chức
- 11 Định hướng phát triển
- 11 Thông tin cổ đông
- 12

## **14 BÁO CÁO NĂM 2014 VÀ KẾ HOẠCH 2015**

- 14 Báo cáo của Ban Giám đốc
- 20 Báo cáo của Hội đồng quản trị

## **23 BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

- 23 Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính
- 34 Báo cáo tài chính đã được kiểm toán



# Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

*“... với nền tảng công nghệ tiên tiến được đầu tư hoàn chỉnh trong những năm qua, với đội ngũ nhân lực giàu kinh nghiệm, đầy nhiệt huyết, và với cam kết không ngừng sáng tạo và hoàn thiện dịch vụ, trong năm 2015 và những năm tiếp theo, Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex sẽ tiếp tục đạt được những thành công mới, mang lại lợi ích vượt trội cho khách hàng, tạo dựng tương lai cho nhân viên và sự thịnh vượng của cổ đông”.*



## Kính gửi Quý Cổ đông, Khách hàng và các Đối tác,

Năm 2014, trong bối cảnh thị trường chứng khoán có nhiều biến động lớn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex đã có sự thay đổi mạnh mẽ nhằm nâng cao năng lực tài chính, đổi mới công nghệ, kiện toàn tổ chức và nghiệp vụ nhằm cung cấp những dịch vụ chuyên nghiệp, tin cậy, chất lượng cao cho thị trường. Với sự quyết tâm cao của toàn bộ đội ngũ lãnh đạo và nhân viên, với sự tin tưởng và ủng hộ của các Quý cổ đông và Khách hàng, Công ty đã gặt hái được những kết quả hoạt động nổi bật, tạo tiền đề thuận lợi cho những năm tiếp theo: Tổng doanh thu là 46,1 tỷ đồng, tăng 9,2% so với năm 2013; doanh thu mỗi giới- hoạt động được coi là trọng tâm của công ty lại tăng từ 1,4 tỷ đồng lên 12,5 tỷ đồng trong năm 2014. Ngày 24/2 vừa qua, Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh đã ghi nhận Công ty CP Chứng khoán Artex là đơn vị có tiến bộ vượt bậc trong hoạt động mỗi giới năm 2014.

Bên cạnh đó, việc tiếp tục rà soát và tiết kiệm chi phí đã giúp công ty đã giúp Công ty duy trì chi phí hoạt động và chi phí quản lý ở mức thấp so với mức bình quân ngành. Kết quả, Công ty ghi nhận mức lợi nhuận 26,05 tỷ đồng, vượt xa chỉ tiêu kế hoạch 1,5 tỷ đồng.

Bước sang năm 2015, thị trường chứng khoán Việt Nam được dự báo sẽ có sự bùng nổ về quy mô, về số lượng thành viên tham gia và sự phát triển vượt bậc về chất lượng hoạt động. Chúng tôi tin tưởng rằng, với nền tảng công nghệ tiên tiến được đầu tư hoàn chỉnh trong những năm qua, với đội ngũ nhân lực giàu kinh nghiệm, đầy nhiệt huyết, và với cam kết không ngừng sáng tạo và hoàn thiện, trong năm 2015 và những năm tiếp theo, Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex sẽ tiếp tục đạt được những thành công mới, mang lại lợi ích vượt trội cho khách hàng, tạo dựng tương lai cho nhân viên và sự thịnh vượng của cổ đông.

Thay mặt Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex, tôi xin gửi tới Quý Cổ đông, các Khách hàng và Đối tác lời cảm ơn trân trọng nhất vì đã luôn tin tưởng, đồng hành cùng chúng tôi trong năm 2014 và trong suốt chặng đường 7 năm qua kể từ khi thành lập. Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành tới toàn thể CBNV vì những nỗ lực đóng góp vào sự thành công của Công ty và vì sự cam kết, gắn bó với mục tiêu phát triển của Công ty trong thời gian tới.



NGUYỄN THANH BÌNH

# Tổng quan về công ty

*Trải qua 6 năm hoạt động với nhiều biến động của nền kinh tế và của thị trường tài chính, năm 2014 Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex đã có bước ngoặt lớn trong định hướng phát triển, mục tiêu và tầm nhìn.*

## Tầm nhìn

- Trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam thông qua việc cung cấp đến các khách hàng và các đối tác những dịch vụ chuyên nghiệp, đa dạng cùng với các giải pháp tài chính toàn diện
- Không ngừng hoàn thiện và phát triển một cơ cấu tổ chức linh hoạt, năng động, kịp thời đầu tư các công nghệ tiên tiến nhất vì lợi ích của khách hàng
- Tạo dựng đội ngũ nhân lực chuyên nghiệp có trình độ chuyên môn cao, có nền tảng kiến thức chuyên sâu, dày dặn kinh nghiệm trong việc cung cấp các dịch vụ tài chính, tư vấn đầu tư

## Sứ mệnh

- Không ngừng hoàn thiện và ưu tiên đặt lên hàng đầu lợi ích của khách hàng

## Giá trị cốt lõi

- Chính trực
- Hướng đến sự hoàn hảo
- Liên tục đổi mới
- Hợp tác.



Tên công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX
Tên tiếng Anh	ARTEX Securities Joint Stock Company
Tên giao dịch viết tắt	ART
Logo	
Vốn điều lệ	135.000.000.000 VND (Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng)
Trụ sở Công ty	Tầng 5, Tòa nhà FLC Landmark Tower, Đường Lê Đức Thọ, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội Điện thoại: (84-4) 39.368.368 Fax: (84-4) 39.368.367 Email: <a href="mailto:contact@artexsc.com.vn">contact@artexsc.com.vn</a> Website: <a href="http://www.artexsc.com.vn">www.artexsc.com.vn</a>
Văn phòng chi nhánh	86-88 Nguyễn Công Trứ, P.Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM Điện thoại: (84-8) 38.210.735 Fax: (84-8) 38.210.732 Email: <a href="mailto:cnhcm@artexsc.com.vn">cnhcm@artexsc.com.vn</a>

*Công ty Cổ phần Chứng khoán ARTEX được thành lập theo Giấy phép số 85/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03/3/2008.*

*ARTEX cung cấp đầy đủ tất cả các dịch vụ tài chính chứng khoán cho các nhà đầu tư riêng lẻ cũng như các tổ chức, định chế tài chính chuyên nghiệp. Khách hàng mục tiêu của chúng tôi bao gồm các doanh nghiệp hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau như sản xuất, xây dựng, bất động sản, ngân hàng, giải trí truyền thông, năng lượng....*

*Lợi thế cạnh tranh cốt lõi của ARTEX chính là khả năng cung cấp đến các khách hàng và các đối tác những dịch vụ chuyên nghiệp, đa dạng cùng với các giải pháp tài chính toàn diện.*

# Lịch sử phát triển

## 2014

**16/05/2014:** Ông Lưu Đức Quang được bổ nhiệm Tổng Giám Đốc

**19/5/2014:** Ông Nguyễn Thanh Bình được bầu làm Chủ tịch HĐQT thay cho ông Doãn Văn Phương

**27/10/2014:** Ông Lê Tiến Đông bổ nhiệm Phó Tổng Giám Đốc công ty

**1/12/2014:** Hoàn thành đầu tư và vận hành phần mềm quản trị và tiện ích giao dịch chứng khoán Goline nhằm cung cấp giải pháp công nghệ giao dịch vượt trội cho khách hàng

**24/2/2015:** Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh ghi nhận Công ty CP Chứng khoán Artex là đơn vị có tiến bộ vượt bậc trong hoạt động môi giới năm 2014

## 2013

**04/09/2013:** Thay đổi Người đại diện theo Pháp luật của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị - Ông Doãn Văn Phương

**20/08/2013:** Đổi tên Công ty Cổ phần Chứng khoán FLC thành Công ty Cổ phần Chứng khoán ARTEX và đổi tên chi nhánh thành Công ty Cổ phần chứng khoán Artex - Chi nhánh Hồ Chí Minh.

## 2012

**25/12/2012:** Thành lập chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 1129/QĐ-UBCK. Văn phòng chi nhánh tại 86-88 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM,

**20/01/2012:** FLCS chuyển trụ sở chính từ Tầng 2, Tháp CEO, Đường Phạm Hùng, Huyện Từ Liêm - Hà Nội đến Tầng 5, Tòa nhà FLC Landmark Tower, Lê Đức Thọ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội.

## 2011

**30/12/2011:** Ông Doãn Văn Phương- Thành viên Hội đồng quản trị được bổ nhiệm làm Chủ tịch Hội đồng quản trị thay Ông Trịnh Văn Quyết.

**08/08/2011:** Đổi tên Công ty Cổ phần Chứng khoán ARTEX thành Công ty Cổ phần Chứng khoán FLC (FLCS).

## 2008-

## 2010

**2009-2010:** Được cấp Giấy chứng nhận thành viên lưu ký; được các Sở GD&ĐT Hà Nội và TP HCM chấp thuận là thành viên giao dịch; Bổ sung thêm nghiệp vụ Tư vấn đầu tư chứng khoán theo giấy phép 141/UBCK-GP.

**2008:** Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex chính thức thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 85/UBCK-GP của UBCKNN. Công ty có trụ sở chính tại 2A, Phạm Sư Mạnh, Hoàn Kiếm, Hà Nội Vốn điều lệ là 135 tỷ đồng.



# Lĩnh vực hoạt động

Sau 7 năm tham gia thị trường, Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex đã xác định hoạt động cốt lõi là cung cấp dịch vụ chất lượng cao, tin cậy và bảo mật thông tin khách hàng. Điều này giúp hạn chế phần lớn rủi ro vi phạm đạo đức nghề nghiệp, xung đột lợi ích và mang lại lợi ích cao nhất cho khách hàng khi giao dịch tại Công ty.

## DỊCH VỤ MÔI GIỚI DÀNH CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN VÀ TỔ CHỨC

Là Công ty chứng khoán với sứ mệnh không ngừng hoàn thiện sản phẩm dịch vụ và ưu tiên hàng đầu lợi ích của khách hàng, chúng tôi mang lại cho khách hàng dịch vụ chất lượng cao, ổn định, và tin cậy. Từ chỗ doanh thu môi giới gần như không đáng kể, chỉ trong vòng chưa đầy 1 năm, Chứng khoán Artex đã vươn lên chiếm giữ 0,5% thị phần môi giới với gần 5000 tài khoản đang hoạt động và những tháng cuối năm đã lọt vào top 20 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất.

Chúng tôi không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ thông qua việc liên tục đầu tư lớn vào hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, vào hệ thống quản lý giao dịch qua Mobile Trading, Home Trading, Web Trading và các tiện ích khai thác dữ liệu, phân tích trên Website của Công ty.

Hướng đi sắp tới của chúng tôi trong lĩnh vực môi giới là tăng cường đầu tư hơn nữa về nguồn tài chính, công nghệ, nhân lực và tri thức, với các hoạt động phong phú như đào tạo, hội thảo, tiếp xúc doanh nghiệp để hỗ trợ tốt hơn nữa cho nhà đầu tư.

## HOẠT ĐỘNG PHÂN TÍCH VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Chứng khoán Artex cung cấp một danh mục các sản phẩm phân tích đa dạng và toàn diện từ các Bản tin thị trường được cập nhật liên tục, các Báo cáo phân tích vĩ mô, Báo cáo chiến lược đầu tư, phân tích ngành và doanh nghiệp.... Nhà đầu tư có thể dễ dàng cập nhật nhanh chóng và đầy đủ sản phẩm phân tích trên qua Website Công ty và qua các trang tin liên kết

## LƯU KÝ

Chứng khoán Artex cung cấp các dịch vụ lưu ký chứng khoán cho người đầu tư bao gồm ký gửi chứng khoán, thực hiện quyền, chuyển khoản, cầm cố chứng khoán, cho tặng, thừa kế chứng khoán cũng như các giao dịch chứng khoán lẻ.

Dịch vụ lưu ký được thực hiện một cách nhanh chóng, thuận tiện và cẩn trọng trên nguyên tắc tuân thủ các quy định của UBCKNN và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD).

## DỊCH VỤ TƯ VẤN DOANH NGHIỆP VÀ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Chúng tôi cung cấp cho khách hàng các sản phẩm và dịch vụ bao gồm Dịch vụ thị trường vốn; Dịch vụ thị trường nợ; Tái cấu trúc, Mua bán, sáp nhập, tư vấn niêm yết, tư vấn phát hành...

## HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH

Hoạt động tự doanh được thực hiện với nguồn vốn của Công ty, trên cơ sở tuân thủ triệt để nguyên tắc không xung đột với lợi ích của khách hàng và không ảnh hưởng đến dịch vụ cũng như sự hỗ trợ tài chính dành cho khách hàng.

Tăng trưởng lợi nhuận năm 2014

1616,37%



# Các rủi ro

*Kinh doanh chứng khoán là lĩnh vực chịu nhiều rủi ro. Nhận thức rõ được tầm quan trọng của công tác Quản trị rủi ro, Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex liên tục hoàn thiện công tác Quản trị rủi ro một cách toàn diện và có hệ thống nhằm nhận diện, đo lường, kiểm soát, giám sát và giảm thiểu đến mức thấp nhất những thiệt hại, tổn thất, những ảnh hưởng bất lợi của rủi ro.*

## RỦI RO TÍN DỤNG

Đây là rủi ro có thể gây ra những tổn thất/thiệt hại do không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, chi trả hoặc thực hiện những nghĩa vụ này chậm so với thời gian đã quy định. Rủi ro tín dụng có khả năng gây ảnh hưởng tới các hoạt động: đầu tư tiền gửi có kỳ hạn, đầu tư trái phiếu và hoạt động giao dịch ký quỹ.

Để phòng ngừa, Công ty CP Chứng khoán Artex thực hiện nguyên tắc phân bổ hạn mức tín dụng gửi tiền và chỉ thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng được xếp hạng tín dụng tốt.

Đối với hoạt động đầu tư trái phiếu bao gồm cả trái phiếu Chính phủ và trái phiếu Doanh nghiệp, Công ty thực hiện quản trị rủi ro trên nguyên tắc tuân thủ các hạn mức đầu tư do Hội đồng Quản trị quy định. Hiện tại, với quan điểm tập trung nguồn lực dành cho dịch vụ tài chính nhằm phát triển hoạt động môi giới, Công ty không chủ trương đầu tư vào trái phiếu nên không phát sinh rủi ro trong lĩnh vực này.

## RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản là rủi ro xảy ra khi không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi các công cụ tài chính thành tiền mặt với mức giá hợp lý trong ngắn hạn do thiếu hụt thanh khoản trên thị trường hay thiếu tài sản để thực hiện các nghĩa vụ thanh toán, chi trả cho khách hàng. Do Công ty thực hiện việc quản lý tách bạch tiền gửi của nhà đầu tư, đồng thời không phát sinh các khoản vay tín dụng, phát hành trái phiếu công ty nên rủi ro này được đánh giá rất thấp.

## RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản hay trách nhiệm của Công ty theo chiều hướng bất lợi. Rủi ro thị trường xuất phát từ những khoản đầu tư mà lợi nhuận từ khoản đầu tư đó không được như kỳ vọng ban đầu do những biến động của thị trường.

### *Rủi ro giá cổ phiếu*

Rủi ro này ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả kinh doanh của Công ty thông qua việc trích lập dự phòng danh mục đầu tư cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex thực hiện tuân thủ chặt chẽ hạn mức đầu tư và thực hiện phân tích kịch bản thị trường để xây dựng và thực hiện chiến lược đầu tư cổ phiếu; đồng thời có thể lượng hóa những mức độ của rủi ro thị trường cũng như sự tác động của những rủi ro này tới kết quả kinh doanh của công ty. Do hạn mức đầu tư tự doanh khá thấp, đồng thời Công ty cũng không thực hiện đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết, trái phiếu doanh nghiệp nên rủi ro giá cổ phiếu được hạn chế.

### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro được nhận diện có ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động đầu tư tiền gửi có kỳ hạn và đầu tư trái phiếu. Từ năm 2012 đến nay, công ty không gặp phải sự kiện rủi ro lãi suất nào có ảnh hưởng tới kế hoạch cũng như kết quả đầu tư.



## RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Rủi ro hoạt động là rủi ro gây ra tổn thất có nguyên nhân từ quy trình, hệ thống hay nhân viên trong nội bộ Công ty vận hành không đúng, cố tình làm sai hoặc do các nguyên nhân khách quan từ bên ngoài đem lại.

### *Rủi ro báo cáo và kiểm soát tài chính*

Đây là rủi ro phát sinh từ lập báo cáo tài chính sai và chậm trễ trong việc gửi báo cáo tới Ban Lãnh đạo công ty, cơ quan quản lý Nhà nước hay công bố thông tin ra bên ngoài... Là công ty luôn coi trọng lợi ích của khách hàng và quyền lợi của cổ đông, chúng tôi luôn có ý thức trách nhiệm và hành động để các báo cáo tài chính luôn được công bố kịp thời, đảm bảo tính chính xác và minh bạch trong thông tin cung cấp.

Ngoài việc tuân thủ các quy định pháp luật, quy chế nội bộ cũng như các chế độ tài chính - kế toán. Công ty đã áp dụng công nghệ thông tin, sử dụng và kết nối hệ thống giao dịch (Goline) với phần mềm kế toán để lập các báo cáo, hạn chế sai sót thủ công và đảm bảo tính kịp thời.

### *Rủi ro con người*

Công ty chú trọng tới việc xây dựng được một quy trình đồng bộ từ khâu tuyển chọn – đào tạo – huấn luyện và kiểm soát đánh giá công việc chặt chẽ nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và cam kết gắn bó lâu dài. Từ năm 2008 Công ty đã xây dựng và ban hành Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp tuân thủ theo chuẩn mực quy định. Do đó rủi ro con người được đánh giá ở mức thấp

### *Rủi ro quy trình/thủ tục*

Rủi ro quy trình/ thủ tục là một trong những rủi ro mà công ty phải thường xuyên đối mặt trong quá trình hoạt động. Công ty đã xây dựng, ban hành và thường xuyên cập nhật, hoàn thiện quy trình hướng dẫn tác nghiệp, xây dựng hệ thống công nghệ hỗ trợ và đào tạo nhân sự vận hành đúng theo quy trình đề ra. Bộ phận Kiểm soát nội bộ của công ty tổ chức các cuộc rà soát, kiểm tra tuân thủ định kỳ để đảm bảo tính đúng đắn, sự phù hợp và hiệu quả của quy trình với thực tiễn công việc, đồng thời phân tích khả năng xảy ra rủi ro từ đó có thể tiếp tục hoàn thiện các quy trình

## *Rủi ro hệ thống công nghệ*

Rủi ro hệ thống công nghệ là một trong những rủi ro lớn mà các công ty chứng khoán nói chung đều phải đối diện. Rủi ro này được đánh giá ở mức độ thấp do:

- Công ty ưu tiên đầu tư mới và liên tục hoàn thiện công nghệ giao dịch và hạ tầng công nghệ thông tin nhằm đảm bảo giao dịch an toàn và thông suốt.
- Đã xây dựng hệ thống dự phòng, đảm bảo tính liên tục và thông suốt 24h/7 ngày của hệ thống.
- Có phương án khắc phục sự cố theo các kịch bản tình huống. Trong năm 2014 không xảy ra sự cố nào ảnh hưởng đến giao dịch và không phát sinh thiệt hại cho khách hàng.

Đối với các phần mềm nghiệp vụ, Công ty ban hành chính sách phân quyền chặt chẽ đến từng cá nhân người sử dụng nhằm giảm thiểu các rủi ro gây nên bởi sai sót trong tác nghiệp hoặc vượt quyền sử dụng một cách vô tình hoặc cố ý.

## RỦI RO DANH TIẾNG

Rủi ro danh tiếng là rủi ro xảy ra khi Công ty gặp phải những tác động bên ngoài hoặc bên trong gây tổn hại đến hình ảnh, thương hiệu. Rủi ro danh tiếng được đánh giá ở mức độ thấp tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex.

## RỦI RO PHÁP LÝ

Rủi ro pháp lý phát sinh từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh, và từ việc hủy bỏ hợp đồng do hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn, hoặc do các nguyên nhân khác.

Rủi ro pháp lý tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex được đánh giá ở mức độ trung bình thấp. Công ty triển khai công tác kiểm soát rủi ro pháp lý được thực hiện đồng bộ từ việc cơ cấu tổ chức khoa học, phân quyền và trách nhiệm rõ ràng từ vị trí lãnh đạo cấp cao tới các vị trí cấp trung và cấp nhân viên thực hiện.

Tuân thủ pháp luật trong các hoạt động thường ngày là yêu cầu bắt buộc thực hiện đối với mọi cán bộ, nhân viên trong Công ty.



# Hội đồng quản trị & Ban Điều hành

**Ông NGUYỄN THANH BÌNH**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Bình là nhà quản lý có nhiều năm kinh nghiệm, đã và đang nắm giữ vị trí đứng đầu nhiều doanh nghiệp lớn. Hiện Ông Bình là Tổng Giám đốc Công ty CP Liên doanh Đầu tư Quốc tế KLF, đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Truyền thông và Công nghệ FLC và Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Bất động sản SInvest. Trước đó ông từng giữ vị trí Thành viên Hội đồng Quản trị và Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC.

**Ông NGUYỄN VĂN THANH**

Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Văn Thanh từng giữ chức vụ Trưởng khoa Tài chính- Đại học Thương mại. Hiện ông là Thành viên HĐQT Công ty CP Chứng khoán Artex, Thành viên HĐQT Công ty CP Liên doanh Đầu tư Quốc tế KLF, Hiệu trưởng trường Cao đẳng nghề FLC. Ông Thanh có Cử nhân Tài chính Ngân hàng (Đại học Kinh tế Quốc dân); bằng Thạc sỹ Kinh tế Quốc tế (Đại học Obirin – Nhật Bản); và Tiến sỹ Kinh tế (Đại học Thương mại).

**Ông LƯU ĐỨC QUANG**

Thành viên HĐQT

Tổng Giám đốc

Ông Lưu Đức Quang được bầu vào HĐQT và được bổ nhiệm là Tổng giám đốc Công ty CP Chứng khoán Artex từ tháng 5/2014. Trước đó ông đã trải qua nhiều năm kinh nghiệm quản lý trong ngành tài chính như Phó tổng giám đốc CEO Group kiêm Giám đốc Công ty TNHH CEO Quốc tế; Tổng giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán An Bình. Ông đồng thời là Thành viên HĐQT Công ty CP Tập đoàn FLC

**Bà NGUYỄN THỊ HUYỀN**

Thành viên HĐQT

Bà Nguyễn Thị Huyền là chuyên gia trong lĩnh vực quản trị hành chính và nhân sự, đã có một thời gian dài làm việc tại các công ty nước ngoài, tập đoàn đa quốc gia như công ty Malavina, Archytype Group, SMEC, Tessi Asia. Bà Huyền tốt nghiệp Cử nhân Ngoại ngữ Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội và Cử nhân chuyên ngành Văn hóa Du lịch Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

**Bà TRẦN THỊ CHUNG**

Thành viên HĐQT

Bà Trần Thị Chung có nhiều năm công tác trong lĩnh vực tài chính kế toán. Ngoài việc tham gia HĐQT, bà còn là đại diện phần vốn của Công ty CP Sông Đà 9 tại Công ty CP Chứng khoán Artex và là Trưởng ban Kiểm soát- Công ty Cổ phần Xây dựng hạ tầng Sông Đà.

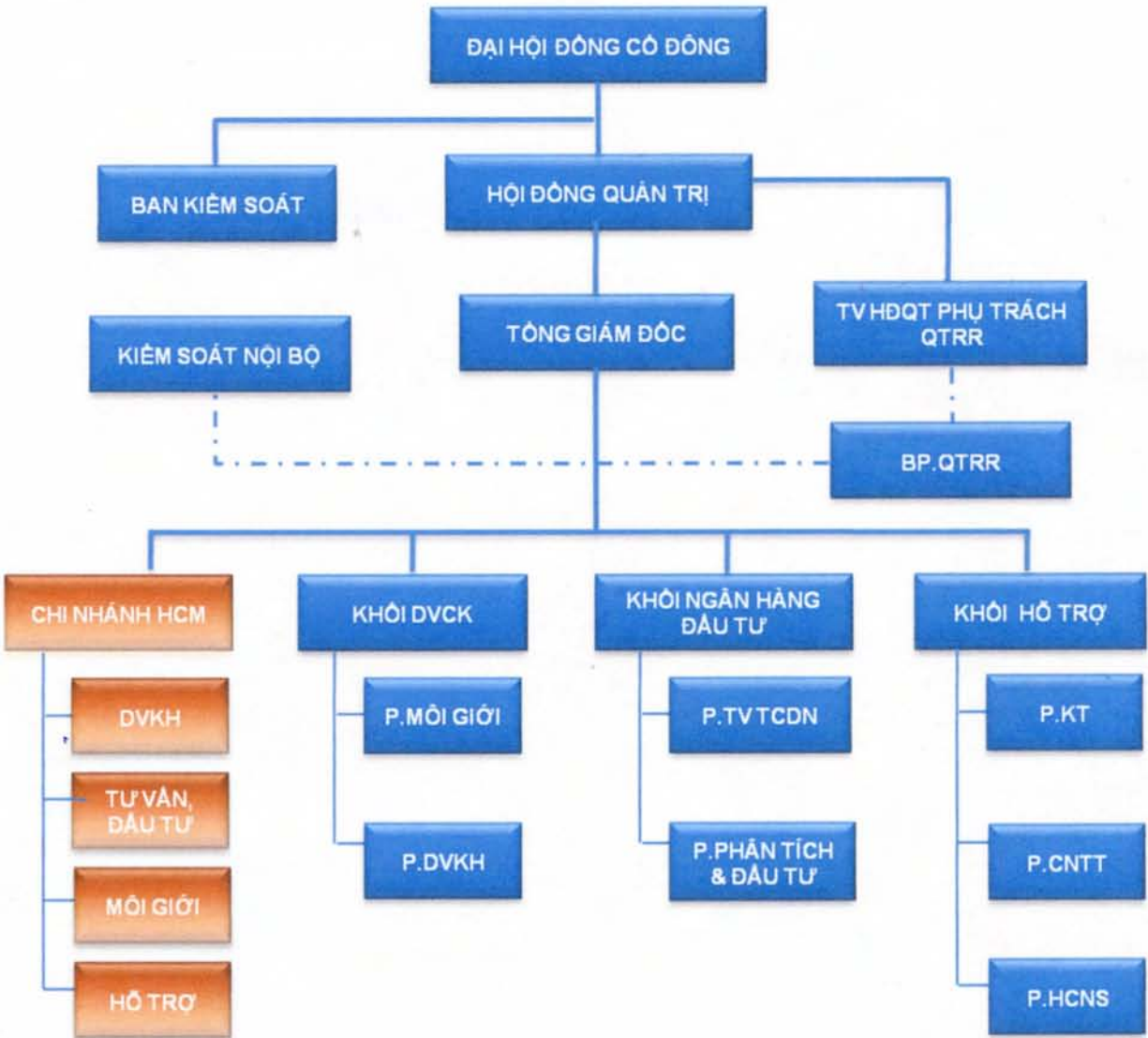
**Ông LÊ TIẾN ĐÔNG**

Phó TGD

Trước khi gia nhập chứng khoán Artex, ông Đông là Phó Tổng giám đốc Công ty CP Ortran Việt Nam và đã từng qua các vị trí quản lý tại Tập đoàn FPT, Khoa Quản trị Kinh doanh HSB và Công ty CP QLQ An Bình.



# Sơ đồ tổ chức



# Định hướng phát triển

*Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex là trở thành một trong những Công ty chứng khoán hàng đầu trong lĩnh vực dịch vụ chứng khoán tại Việt Nam. Với mục tiêu là điểm tựa vững chắc để khách hàng gạt hái thành công, chúng tôi cung cấp các sản phẩm, dịch vụ và giải pháp tài chính sáng tạo nhằm kết nối đầu tư và mang lại giá trị gia tăng cao nhất cho khách hàng.*

Dựa trên nguyên tắc phát triển An toàn – Linh hoạt – Hiệu quả, Định hướng chiến lược phát triển của chúng tôi bao gồm:

- Phát triển các sản phẩm, dịch vụ truyền thống đồng thời đẩy mạnh việc nghiên cứu triển khai các sản phẩm, giải pháp tài chính sáng tạo phù hợp với nhu cầu của khách hàng;
- Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin đồng bộ tiên tiến, đảm bảo tương thích và giao dịch thông suốt, chú trọng nâng cấp hệ thống giao dịch từ xa Home-Trading và Web-Trading;
- Nâng cao chất lượng hoạt động tự doanh đồng thời từng bước chuyên nghiệp hóa hoạt động tự doanh;
- Xây dựng cơ chế quản lý rủi ro chặt chẽ và hiệu quả;
- Xây dựng mối quan hệ mật thiết và rộng lớn với các Công ty chứng khoán, các Tổ chức tài chính tín dụng trong và ngoài nước;
- Không ngừng đào tạo nâng cao trình độ nhân viên, xây dựng và công bố minh bạch cơ chế thưởng phạt căn cứ trên kết quả kinh doanh;
- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp trẻ, nhiệt huyết và thân thiện;
- Xây dựng hình ảnh thương hiệu ART chuyên nghiệp; tích cực tham gia các hoạt động mang tính cộng đồng để quảng bá hình ảnh về một tổ chức thân thiện, đáng tin cậy.





# Thông tin cổ đông

## CÓ PHẦN

Vốn điều lệ Công ty: 135.000.000 đồng

Số cổ phiếu phát hành: 13.500.000 cổ phiếu

Số cổ phiếu đang lưu hành: 13.500.000 cổ phiếu

## THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Tình hình thay đổi vốn đầu năm của chủ sở hữu năm 2014: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

## THAY ĐỔI DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

	Tên tổ chức/ cá nhân	Chức vụ tại công ty	Thời điểm thay đổi	Lý do
1	Doãn Văn Phương	Chủ tịch HĐQT	15/05/2014	Miễn nhiệm từ 15/05/2014
2	Trịnh Văn Quyết	TV HĐQT	15/05/2014	Miễn nhiệm từ 15/05/2014
3	Đường Ngọc Hà	TV HĐQT	15/05/2014	Miễn nhiệm từ 15/05/2014
4	Lê Đình Vinh	Thành viên BKS	15/05/2014	Miễn nhiệm từ 15/05/2014
5	Phan Quang Trường	Thành viên BKS	15/05/2014	Miễn nhiệm từ 15/05/2014
6	Công ty cổ phần Sóng Đà 9 Đại diện: Trần Thị Chung	TV HĐQT	15/05/2014	Thay đổi người đại diện
7	Lưu Đức Quang	Tổng GD/ TV HĐQT	15/05/2014	Bỏ nhiệm từ ngày 15/05/2014
8	Nguyễn Văn Thanh	TV HĐQT	15/05/2014	Bỏ nhiệm từ ngày 15/05/2014
9	Nguyễn Thị Huyền	TV HĐQT	15/05/2014	Bỏ nhiệm từ ngày 15/05/2014
10	Lê Tiến Đông	Phó TGD	27/10/2014	Bỏ nhiệm từ ngày 27/10/2014
11	Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng BKS	15/05/2014	Bỏ nhiệm từ ngày 15/05/2014
12	Nguyễn Thanh Tùng	TV BKS	15/05/2014	Bỏ nhiệm từ ngày 15/05/2014
13	Phạm Thị Hải Ninh	TV BKS	15/05/2014	Bỏ nhiệm từ ngày 15/05/2014

## GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

### Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ /Quan hệ	Số CP sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ
1	Nguyễn Thanh Bình	Chủ tịch HĐQT	180.000	1,33%
	Người có liên quan		0	0
2	Công ty cổ phần Sông Đà 9 Đại diện: Trần Thị Chung	TV HĐQT	1.700.250	12,59%
	Người có liên quan		0	0
3	Lưu Đức Quang	Tổng GD/ TV HĐQT	20.000	0,15%
	Người có liên quan		0	0
4	Nguyễn Văn Thanh	TV HĐQT	1.010.000	7,47%
	Người có liên quan		0	0
5	Nguyễn Thị Huyền	TV HĐQT	19.000	0,14%
	Người có liên quan		0	0
7	Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng BKS	20.000	0,15%
	Người có liên quan		0	0
8	Phạm Thị Hải Ninh	TV BKS	1.169.000	8,66%
	Người có liên quan		0	0

Giao dịch cổ phiếu: Không

#### Các giao dịch khác:

Ông Đường Ngọc Hà (Số lượng cổ phần sở hữu: 2.000.000 CP),

- Chuyển nhượng Ông Nguyễn Văn Mạnh: 1.000.000 CP

- Chuyển nhượng Ông Nguyễn Văn Thanh: 1.000.000 CP

Số lượng CP sau chuyển nhượng: 0 CP

#### CÁC VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý KHÁC

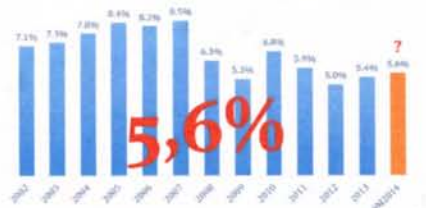
Ngày 10/05/2014, Cổ đông lớn của Công ty là Công ty Cổ phần Sông Đà (SD 9) có công văn số 111/CT/TCHC về việc thay đổi Người đại diện vốn của SD 9 tại ART là Bà Trần Thị Chung (thay cho Ông Dương Kim Ngọc).



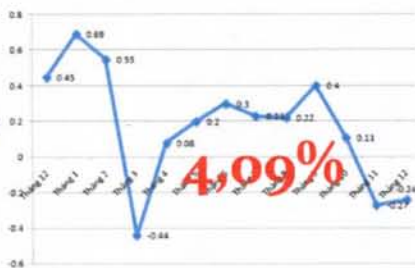
# Báo cáo của Ban Giám đốc

## I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2014

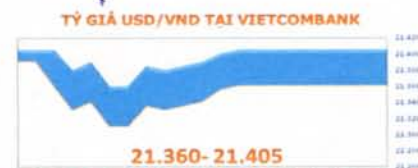
### Kinh tế vĩ mô và thị trường tài chính



Duy trì tăng trưởng



Tỷ giá trong biên



Năm 2014 là năm kinh tế Việt Nam thu được nhiều thành tựu quan trọng. Trong đó, nổi bật là duy trì tăng trưởng ở mức 5,6% và ổn định kinh tế vĩ mô; kiềm chế lạm phát ở mức thấp nhất trong vòng 13 năm qua; duy trì tỷ giá biến động trong biên độ 1%; cán cân thương mại thặng dư kỷ lục với mức xuất siêu trên 2 tỷ USD.

Thị trường tài chính và thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2014 cũng có những tiến bộ vượt bậc. Việc phát hành thành công 1 tỷ USD trái phiếu quốc tế hoán đổi nợ là phép thử cho sự tin nhiệm và niềm tin của cộng đồng tài chính quốc tế đối với nền kinh tế nói chung và thị trường tài chính Việt Nam nói riêng. Làn sóng tái cấu trúc NH thương mại và công ty tài chính trên quy mô rộng và vấn đề xử lý nợ xấu được thực hiện triệt để giúp thị trường tài chính được củng cố theo hướng lành mạnh hơn. Đồng thời, đây cũng là năm thành công của các đợt IPOs quy mô lớn gắn với quy định niêm yết bắt buộc giúp thị trường chứng khoán mở rộng cả về quy mô, chất lượng và số lượng nhà đầu tư mới.

### Hoạt động của ngành chứng khoán

Ổn định kinh tế vĩ mô và tái cấu trúc nền kinh tế, lành mạnh hóa thị trường tài chính là điều kiện tốt để thị trường chứng khoán phát triển. Trong năm 2014, giá trị giao dịch bình quân đạt trên 2000 tỷ đồng/phiên, bằng 2,2 lần năm 2013. Niềm tin nhà đầu tư được củng cố, cùng với việc quy mô thị trường, quy mô giao dịch mở rộng là cơ hội kinh doanh thuận lợi cho ngành chứng khoán.

Tuy nhiên do những vấn đề nội tại nên hoạt động của các công ty chứng khoán vẫn còn gặp không ít khó khăn. Trong số 85 công ty đang hoạt động, số không ít vẫn phải tạm thời thu hẹp quy mô, dịch vụ cung cấp do những khó khăn nội tại và không đáp ứng được các quy định ngày càng chặt chẽ hơn từ phía cơ quan quản lý. Nhiều công ty chưa có phương hướng hoạt động rõ ràng và bị động, lung túng trước những biến động của thị trường. Thực chất chỉ khoảng hơn 40 công ty có ý định mở rộng quy mô hoạt động và nâng cao chất lượng hoạt động.

Dù số lượng công ty thực sự đang hoạt động giảm đi khá nhiều, thì đây lại là năm cạnh tranh gay gắt trong ngành chứng khoán. Xếp hạng top10 công ty chứng khoán liên tục thay đổi và 3/10 công ty đã ra khỏi danh sách này vào cuối năm. Mức phí môi giới bình quân thấp nhất cũng chạm mức sàn theo quy định (0,15%), chưa kể hoa hồng môi giới. Nhiều mô hình thâm nhập thị trường và cạnh tranh bằng chất lượng và dịch vụ xuất hiện trong cả khối ngân hàng đầu tư và môi giới chứng khoán.



## II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2014

*... Ban điều hành Công ty xác định trọng tâm năm 2014 và những năm tới là củng cố các nghiệp vụ chuyên môn, đầu tư từng bước và có trọng tâm vào những khâu cốt yếu nhất, tập trung vào phát triển dịch vụ môi giới, quản trị rủi ro, thu hồi công nợ và tiết kiệm chi phí hoạt động...*

### Thực trạng của Công ty CP Chứng khoán Artex

Công ty CP Chứng khoán Artex thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2014 trong bối cảnh gặp nhiều khó khăn. Cụ thể:

- Phần mềm giao dịch cũ không đáp ứng yêu cầu, thực hiện giao dịch bán thủ công.
- Nhân sự chuyên môn, nhân sự quản lý thiếu trầm trọng. Thời điểm đầu năm, Công ty thiếu 9 nhân sự có chứng chỉ chuyên môn. Nhân sự cũ biến động liên tục.
- Công ty trong tình trạng kiểm soát đặc biệt, hoạt động nghiệp vụ bị hạn chế, trong đó quan trọng nhất là dịch vụ cho vay ký quỹ.
- Do nguồn lực hạn chế về con người, trang thiết bị, năng lực tài chính và nghiệp vụ, chỉ có khả năng cung cấp dịch vụ hạn chế (môi giới, lưu ký). Điều này ảnh hưởng rất lớn đến năng lực cạnh tranh và mở rộng thị phần của Công ty trong bối cảnh ngành chứng khoán cạnh tranh rất gay gắt.

Trong điều kiện đó, Ban điều hành Công ty xác định trọng tâm năm 2014 và những năm tới là củng cố các nghiệp vụ chuyên môn, đầu tư từng bước và có trọng tâm vào những khâu cốt yếu nhất, tập trung vào phát triển dịch vụ môi giới, quản trị rủi ro, thu hồi công nợ và tiết kiệm chi phí hoạt động. Điều này đã đem lại kết quả ban đầu trong năm 2014.

*Ngày 24/2 vừa qua, Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh đã ghi nhận Công ty CP Chứng khoán Artex là đơn vị có tiến bộ vượt bậc trong hoạt động môi giới năm 2014*

### Kết quả kinh doanh

Năm 2014 Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex đạt doanh thu là 46,1 tỷ đồng, tăng 9,2% so với năm 2013, nhưng chỉ đạt 92,2% kế hoạch do ĐHCĐ 2014 để ra. Tuy nhiên, doanh thu môi giới- hoạt động được coi là trọng tâm của công ty lại tăng từ 1,4 tỷ đồng lên 12,5 tỷ đồng trong năm 2014. Sau 3 năm liên tiếp chỉ đạt doanh thu dưới 1,5 tỷ đồng, thì đây là bước tiến mới của công ty trong việc giành lại thị phần môi giới. Ngày 24/2 vừa qua, Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh đã ghi nhận Công ty CP Chứng khoán Artex là đơn vị có tiến bộ vượt bậc trong hoạt động môi giới năm 2014.

Bên cạnh đó, trong năm 2014, việc tiếp tục rà soát và tiết kiệm chi phí đã giúp công ty đã giúp Công ty duy trì chi phí hoạt động và chi phí quản lý ở mức thấp so với mức bình quân ngành. Chỉ tiêu chi phí thực hiện năm 2014 chỉ bằng 41,4% so với kế hoạch. Kết quả, Công ty ghi nhận mức lợi nhuận 26,05 tỷ đồng, vượt xa chỉ tiêu kế hoạch 1,5 tỷ đồng cho năm 2014 (sau khi đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi 4,68 tỷ đồng tồn đọng từ những năm trước).



## Các lĩnh vực hoạt động năm 2014

### *Hoạt động môi giới*

Hoạt động môi giới đã có bước tiến vượt bậc kể từ 6 tháng cuối năm 2014 và trở thành nguồn thu chủ yếu, đã bù đắp được cho chi phí hoạt động của công ty. Năm 2014, thị phần môi giới của Công ty chiếm khoảng 0,5%, đặc biệt đã có tháng vươn lên chiếm 1% thị phần, tương đương với nhóm cuối của top 20 công ty có thị phần lớn nhất.

### *Hoạt động tự doanh và đầu tư*

Do nguồn lực hạn chế và chỉ tập trung vào việc hỗ trợ tài chính cho khách hàng và đầu tư trọng điểm nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, Công ty thực hiện chiến lược đầu tư hạn chế. Do vậy doanh thu và kết quả hoạt động tự doanh năm 2014 chiếm tỷ trọng thấp trong kết quả chung của Công ty.

### *Nghiệp vụ chứng khoán*

Trong năm 2014, Công ty đã tiến hành hoàn thiện nhân sự và nghiệp vụ dịch vụ chứng khoán, lưu ký. Đồng thời đã hoàn thiện hồ sơ KH và hồ sơ giao dịch, đảm bảo giao dịch an toàn, không phát sinh rủi ro giao dịch cho khách hàng và thiệt hại cho Công ty và chuẩn bị các điều kiện để chuẩn bị cho việc ra khỏi tình trạng kiểm soát đặc biệt.

### *Tư vấn, phân tích đầu tư*

Nghiệp vụ tư vấn, phân tích đầu tư trong năm 2014 được xác định là hoạt động hỗ trợ đắc lực cho việc mở rộng thị phần môi giới và nâng cao hình ảnh công ty. Do đó, công ty tập trung vào việc cung cấp các bản tin thị trường hàng ngày, bản tin trước giờ giao dịch, trong và sau khi kết thúc phiên giao dịch qua các cổng thông tin Website công ty, email và trang tin liên kết Bizlive hàng ngày và các công cụ truyền thông mạng khác.

### *Thu hồi công nợ và quản trị rủi ro*

Trong năm 2014 đã thu hồi 981 triệu đồng nợ khó đòi và nợ phí dịch vụ khó đòi. Hoạt động kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro đã kịp thời giám sát hoạt động nghiệp vụ; tiến hành sửa lỗi giao dịch và thực hiện Giám sát tỷ lệ an toàn tài chính, chuẩn bị cho việc đưa công ty ra khỏi kiểm soát đặc biệt

### *Công nghệ thông tin*

Hoạt động công nghệ thông tin nổi bật là đầu tư và vận hành phần mềm mới Goline có đầy đủ chức năng giao dịch hiện đại, tương đương với các phần mềm mạnh nhất trên thị trường. Giao dịch được đảm bảo an toàn, thông suốt. Trong năm chỉ xuất hiện 1 sự cố đường truyền có yêu cầu đền bù của KH; 01 sự cố dừng giao dịch 90 phút do lỗi phần mềm đang trong quá trình thử nghiệm.

### *Nhân sự*

Công tác nhân sự tiếp tục thực hiện theo hướng tinh giảm bộ máy tổ chức phù hợp với nguồn lực hiện có, tiết kiệm chi phí hoạt động. Tuy nhiên, Công ty vẫn thực hiện tuyển dụng mới các nhân sự có năng lực, kinh nghiệm, thực hiện đào tạo nội bộ để từng bước củng cố nguồn nhân lực thích ứng với chiến lược mở rộng thị phần và nâng cao chất lượng hoạt động.

Điểm yếu trong công tác nhân sự là thương hiệu nhân sự của Công ty còn yếu so với trong ngành. Việc công ty ở trong tình trạng kiểm soát đặc biệt với dịch vụ hạn chế và cơ chế tiền lương, thưởng kinh doanh chưa hoàn thiện cũng khiến khó tuyển dụng nhân sự giỏi, đặc biệt là đội ngũ môi giới và phát triển thị trường.

## Đánh giá

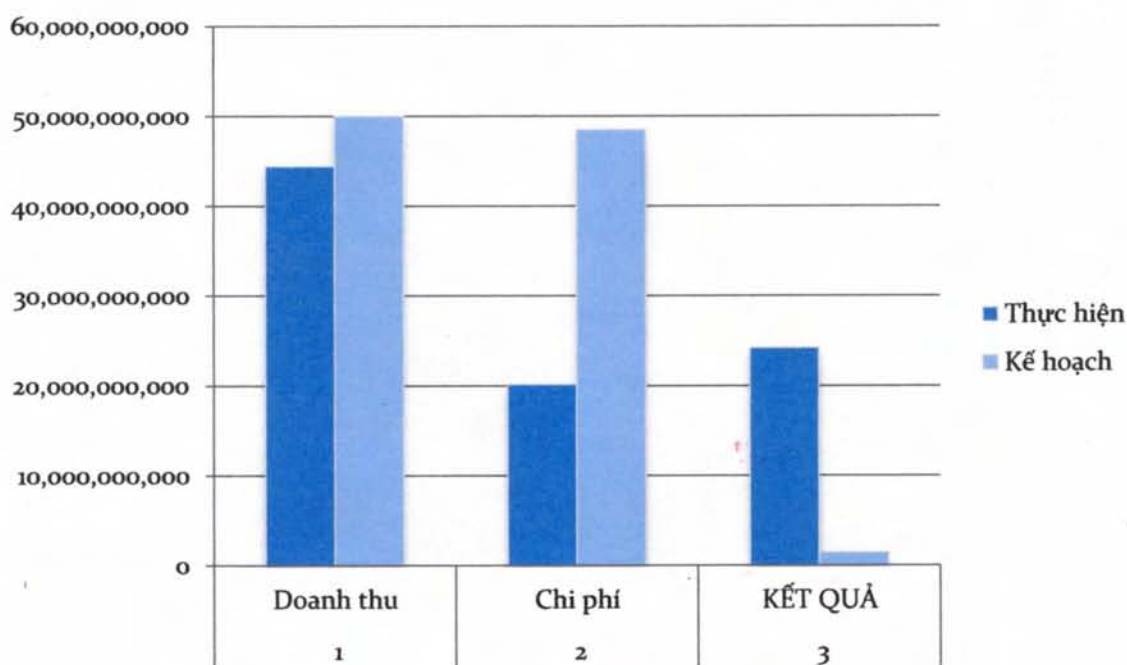
### Kết quả nổi bật

Ban Điều hành đánh giá kết quả nổi bật trong năm 2014 của Công ty CP Chứng khoán Artex là đã chuẩn bị tốt các điều kiện về cơ sở vật chất, công nghệ, quy trình nghiệp vụ, nhân lực, tài chính để tạo sự đột phá trong hoạt động năm 2015

- Đã hoàn thiện các nghiệp vụ chủ yếu, sẵn sàng cung cấp các dịch vụ tài chính, tiện ích giao dịch nâng cao cho khách hàng
- Vận hành phần mềm đồng bộ, qua hiệu chỉnh nhiều lần đã đáp ứng tốt nhu cầu nghiệp vụ và nhu cầu khách hàng
- Tài chính công ty lành mạnh. Thu từ hoạt động chính là môi giới chứng khoán đã có khả năng bù đắp toàn bộ chi phí hoạt động của công ty
- Đã chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết để nộp hồ sơ xin chấp thuận ra khỏi tình trạng kiểm soát đặc biệt trong quý II năm 2015.

### Tồn tại

- Bộ máy nhân sự, tổ chức hoạt động phát triển thị trường, chăm sóc KH chưa hoàn thiện
- Cơ chế hoa hồng, phí, tiền lương theo hiệu quả công việc hiện mới trong quá trình thử nghiệm
- Trang thiết bị công nghệ thông tin được đầu tư hoàn chỉnh, hiện đại nhưng đã đến giai đoạn cần thay thế
- Truyền thông & hình ảnh công ty được chú trọng hơn nhưng chủ yếu vẫn là khai thác và tận dụng các kênh không hoặc ít phát sinh chi phí nên hiệu quả chưa cao.
- Vấn đề nổi cộm nhất là đưa công ty ra khỏi kiểm soát đặc biệt và tìm kiếm và chuẩn bị nguồn vốn phục vụ mở rộng kinh doanh.





## PHƯƠNG HƯỚNG, KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2014

### ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

*Cổ phần hóa DNNN vào giai đoạn quyết liệt nhất và các tiến bộ vượt bậc trong cải cách kinh tế và ổn định vĩ mô sẽ thúc đẩy mở rộng quy mô thị trường và số lượng nhà đầu tư mới, nhà đầu tư tiềm năng với tốc độ tăng trưởng chưa từng có.*

2 điểm chính trong chính sách năm 2015 chi phối hoạt động của nền kinh tế và thị trường chứng khoán là:

- Cổ phần hóa DNNN vào giai đoạn quyết liệt nhất. Hơn 200 DN lớn, kể cả các cơ sở kinh tế quan trọng nhất sẽ tiến hành IPOs, cùng với việc thoái vốn NN tại hầu hết các ngành kinh tế sẽ thúc đẩy mở rộng quy mô thị trường và số lượng nhà đầu tư mới, nhà đầu tư tiềm năng với tốc độ tăng trưởng chưa từng có.
- Tiến bộ về cải cách kinh tế và ổn định kinh tế vĩ mô ngày càng rõ rệt hơn, thể hiện qua cam kết của Chính phủ trong: Đổi mới cơ chế, quản lý điều hành kinh tế; Củng cố hệ thống NH; Kiểm chế lạm phát; thặng dư thương mại và cán cân thanh toán. Lòng tin của nhà đầu tư được củng cố và dòng vốn trong và ngoài nước sẽ tiếp tục được khơi thông.

Tuy nhiên, cùng với sự thuận lợi trên thì khó khăn lớn nhất là sự cạnh tranh của các công ty ngày càng quyết liệt hơn từ chính sách phí, hoa hồng, đến công nghệ, dịch vụ và tiện ích. Thực tế cho thấy không có mô hình thâm nhập và cạnh tranh thị trường nào là hoàn hảo ở mọi thời điểm. Công ty giành thị phần bằng nói lời cho vay, mở rộng dịch vụ tài chính sẽ đối mặt nhiều hơn với rủi ro và mất khách hàng khi nguồn vốn và lãi suất biến động. Mở rộng cung cấp dịch vụ, tiện ích giao dịch, tư vấn, phân tích đòi hỏi duy trì bộ máy nhân sự lớn và chi phí vận hành cao. Cạnh tranh bằng phí và hoa hồng môi giới dẫn đến hiệu quả kinh doanh ngày càng giảm. Với nhận định đó, Ban Điều hành xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2015 như sau:

### KẾ HOẠCH KINH DOANH 2015

#### Mục tiêu

*Chiến lược hoạt động của Công ty trong dài hạn là phát triển, mở rộng thị phần một cách vững dựa trên ưu tiên đầu tư có trọng tâm vào nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, công nghệ, quy trình nghiệp vụ và cung cấp dịch vụ có chất lượng và thiết thực nhất cho nhà đầu tư với mức phí cạnh tranh. Các hoạt động không phải ưu tiên và các chi phí phát sinh chưa thực sự cần thiết trong từng giai đoạn sẽ bị hạn chế tối đa nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động*

Ban Điều hành xác định chiến lược hoạt động của Công ty trong dài hạn là phát triển, mở rộng thị phần một cách vững dựa trên ưu tiên đầu tư có trọng tâm vào nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, công nghệ, quy trình nghiệp vụ và cung cấp dịch vụ có chất lượng và thiết thực nhất cho nhà đầu tư với mức phí cạnh tranh. Các hoạt động không phải ưu tiên và các chi phí phát sinh chưa thực sự cần thiết trong từng giai đoạn sẽ bị hạn chế tối đa nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động. Mục tiêu hoạt động cụ thể của năm 2015 như sau:

- Đưa Công ty ra khỏi tình trạng kiểm soát đặc biệt
- Củng cố nghiệp vụ chứng khoán, bao gồm việc mở rộng hợp tác cho vay ứng trước với các ngân hàng đối tác và chuẩn bị mở lại dịch vụ cho vay ký quỹ khi được phép
- Mở rộng hoạt động, đặc biệt là môi giới và dịch vụ chứng khoán

Chỉ tiêu	Giá trị (VND)
Tổng doanh thu	18.130.000.000
Trong đó: Doanh thu môi giới chứng khoán	15.000.000.000
Tổng chi phí	14.290.000.000
Lợi nhuận	3.840.000.000

#### Các chỉ tiêu cơ bản năm 2015

Về mặt doanh thu, theo định hướng tập trung phát triển hoạt động môi giới chứng khoán, nên nguồn thu chính trong năm tới và những năm sau sẽ đến từ hoạt động này. Công ty xác định sẽ tiếp tục đầu tư cho hoạt động này để đạt mức tăng trưởng 39% trong năm tới.

Về chi phí, các khoản chi tăng lớn là chi trả Phí giao dịch cho các sở, Phí lưu ký, chuyển khoản (tăng tương ứng với doanh thu môi giới); Chi phí khấu hao tài sản cố định (do phát sinh tăng nguyên giá TSCĐ sau khi đầu tư phần mềm Goline); chi phí nhân viên quản lý (theo kế hoạch sẽ phải tuyển dụng thêm nhân viên nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của UBCK, tuyển nhân viên phát triển kinh doanh và trả hoa hồng môi giới).

Những khoản giảm chi lớn là chi phí văn phòng, quản lý, chi phí dự phòng đầu tư, chi phí dự phòng phải thu khó đòi.

#### Giải pháp thực hiện

*Giải quyết nợ tồn đọng. Đưa công ty ra khỏi KSDB*

- Tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động nghiệp vụ chứng khoán, quản trị rủi ro, IT theo kịp với nhu cầu của NĐT & đảm bảo an toàn tài chính, an toàn giao dịch
- Phối hợp với các đơn vị hữu quan tiến hành giải quyết triệt để công nợ
- Giám sát chặt chẽ các chỉ tiêu an toàn tài chính. Hợp tác với cơ quan quản lý nhà nước và chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán trong quá trình thanh tra, kiểm tra và soát xét hồ sơ xin ra khỏi tình trạng kiểm soát đặc biệt.

*Củng cố và hoàn thiện nghiệp vụ, dịch vụ hỗ trợ khách hàng*

- Mở rộng dịch vụ cho vay ứng trước cho mọi KH có nhu cầu
- Triển khai cho vay ký quỹ khi đủ điều kiện
- Nâng cấp phần cứng, sản giao dịch, cập nhật phần mềm, Website
- Tăng cường truyền thông, đẩy mạnh các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ khách hàng và các tiện ích thông tin, phân tích đầu tư
- Phát triển thận trọng, trên cơ sở các điều kiện sẵn có và khả năng huy động nguồn lực; Quản trị được chi phí phát triển thị trường, gắn chi phí với kết quả kinh doanh

*Đẩy mạnh kinh doanh. Mở rộng thị phần*

- Đảm bảo cân đối nguồn vốn cho hoạt động môi giới
- Xây dựng cơ chế nhân sự, đãi ngộ phù hợp và tương đương với mức bình quân ngành cho khối phát triển thị trường.

*Trên đây là báo cáo về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 và phương hướng, kế hoạch hoạt động 2015 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex. Năm 2014, thị trường chứng khoán tăng trưởng 220% về quy mô giao dịch và dự kiến năm 2015 có thể còn tăng trưởng thêm 50% nữa. Đây là cơ hội tốt để mở rộng phát triển kinh doanh. Ngành chứng khoán đã và sẽ còn là lĩnh vực cạnh tranh gay gắt, nhưng vẫn còn tiềm năng cho các công ty lựa chọn phát triển thị trường theo hướng bền vững và có chiến lược phù hợp, và chúng tôi tin rằng sẽ hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2015 mà ĐHCĐ đã giao.*



# Báo cáo của Hội đồng Quản trị

## ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM TÀI CHÍNH 2014

### Tổng quan

Năm 2014, Công ty CP Chứng khoán Artex (Công ty) triển khai hoạt động kinh doanh trong bối cảnh diễn biến thị trường chứng khoán có nhiều biến động, cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán diễn ra gay gắt và bản thân Công ty cũng phải khắc phục những trở ngại rất lớn về nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, năng lực tài chính và tổ chức bộ máy, hoàn thiện quy chế đáp ứng các yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

Trong bối cảnh đó, Hội đồng Quản trị thực hiện quan điểm chủ đạo là "Tận dụng lợi thế có sẵn, nỗ lực mở rộng thị trường", tập trung chỉ đạo Ban điều hành Công ty thực hiện những giải pháp đột phá ngay từ đầu năm như:

- Tái cấu trúc và cơ cấu lại bộ máy nhân sự, đặc biệt là nhân sự cấp cao theo hướng gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả hoạt động.
- Tăng cường công tác quản trị rủi ro; hạn chế tối đa sai sót nghiệp vụ và thiệt hại. Tập trung thu hồi công nợ
- Đầu tư có trọng điểm, cả về con người và cơ sở vật chất để nâng cao chất lượng dịch vụ hoạt động, nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty.

### Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được ĐHCĐ giao

*Về kế hoạch kinh doanh:* Công ty hoàn thành 88,88% kế hoạch doanh thu, 41,7% kế hoạch chi phí. Kết quả thực hiện 24,24 tỷ đồng lợi nhuận, vượt xa mức chỉ tiêu mà ĐHCĐ 2014 đã giao (1,5 tỷ đồng). Các chỉ tiêu số lượng tài khoản mở mới, thị phần môi giới, đều tăng trưởng vượt bậc so với năm tài chính 2013. Các chỉ số về an toàn trong hoạt động luôn được đảm bảo, các khoản công nợ phải thu khó đòi, nợ xấu được kiểm soát ở mức thấp. Dự phòng rủi ro được trích lập đầy đủ. Đây là một nỗ lực lớn của Công ty trong năm 2014, khi bị đặt trong tình trạng kiểm soát đặc biệt, bị hạn chế cung cấp dịch vụ hỗ trợ khách hàng và thường xuyên chịu sự giám sát, kiểm tra của UBCK nhà nước.

*Về công tác quản trị rủi ro:* Trong năm 2014, không phát sinh các khoản công nợ tồn đọng lớn; không phát sinh các sự cố lớn liên quan đến khâu thanh toán bù trừ, giao dịch chứng khoán. Đã tiến hành rà soát thu hồi các khoản nợ phí lưu ký (70 triệu đồng), các khoản nợ phải thu khó đòi tồn đọng (981 triệu đồng). Tích cực phối hợp với cơ quan pháp luật giải quyết các vụ việc liên quan đến công nợ phải thu, phải trả khác

*Nâng cao chất lượng dịch vụ:* Công ty đã tập trung nguồn lực đầu tư đồng bộ hệ thống phần mềm giao dịch, và back office mới, với tính năng hiện đại, tương đương với các công ty chứng khoán hàng đầu hiện nay. Nhờ đó đã thu hút được lượng khách hàng cũ quay trở lại giao dịch trong 6 tháng cuối năm và phát triển được nhiều nhóm khách hàng. Song song với đầu tư mới cơ sở vật chất, công ty cũng nỗ lực phát triển các dịch vụ hỗ trợ khách hàng, như kết hợp với ngân hàng cung cấp dịch vụ cho vay ứng trước; mở lại dịch vụ cung cấp thông tin thị trường, tư vấn, phân tích đầu tư.

*Tái cấu trúc bộ máy:* Công ty đã thực hiện tái cấu trúc và bộ nhiệm các vị trí chủ chốt trong Ban điều hành, theo hướng phát triển nâng cao hiệu quả điều hành, quản trị rủi ro, phát huy tính chủ động sáng tạo, đơn giản hóa các quy trình kinh doanh, tiết kiệm chi phí hoạt động.

### Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2015, HĐQT Công ty đã tổ chức 10 phiên họp định kỳ và không định kỳ nhằm tăng cường công tác quản



trị cũng như bám sát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, trong đó đáng chú ý là các cuộc họp liên quan đến việc miễn nhiệm các chức danh quản lý của Công ty và thông qua chủ trương đầu tư lớn.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	28/2014/NQ-HĐQT	29/04/2014	Nghị quyết về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014
2	30/2014/QĐ-HĐQT	29/04/2014	Về việc thành lập ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014
3	31/2014/QĐ-HĐQT	04/05/2014	Thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014
4	37/2014/NQ-ĐHĐCĐ-ART	15/05/2014	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014
5	39/2014/NQ-HĐQT-ART	16/05/2014	Nghị quyết về việc bổ nhiệm Chủ tịch và Phó chủ tịch HĐQT
6	40/2014/NQ-HĐQT-ART	16/05/2014	Nghị quyết về việc bổ nhiệm Tổng Giám Đốc
7	46/2014/NQ-HĐQT	20/06/2014	Nghị quyết về việc góp vốn đầu tư dự án Hồ Cẩm Quý
8	48/2014/NQ-HĐQT	31/07/2014	Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014 kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty
9	51/2014/NQ-HĐQT	25/08/2014	Về việc bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh TP Hồ Chí Minh
10	54/2014/NQ-HĐQT-ART	27/10/2014	Về việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám Đốc công ty

Ngoài ra, theo quy định của Ủy ban chứng khoán, định kỳ 06 tháng, HĐQT Công ty đã thực hiện đầy đủ các Báo cáo tình hình quản trị gửi UBCK và các Sở, đồng thời đăng công khai tại website của Công ty, qua đó nâng cao tính minh bạch trong hoạt động quản trị Công ty, đồng thời để các cổ đông nắm rõ được tình hình hoạt động.

#### **Công tác chỉ đạo, hỗ trợ, giám sát hoạt động của Ban Điều hành**

- HĐQT đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác nhằm bảo đảm hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết của Đại hội cổ đông và HĐQT.
- Ban Điều hành và cán bộ chủ chốt đã thực hiện đúng và đầy đủ trong phạm vi quyền hạn của mình. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh cán bộ quản lý của Công ty theo đúng trình tự và đúng quy định của Điều lệ Công ty.
- HĐQT còn chú trọng công tác quản trị rủi ro, triển khai đồng thời việc chuẩn hóa các quy trình, quy chế quản trị; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực thi các quy trình, quy chế này trong mọi hoạt động của Công ty.
- Công ty cũng tuân thủ quy chế quản trị Công ty theo quy định của UBCKNN, tham khảo các mô hình tổ



chức và mô thức quản trị tiên tiến trong ngành và trên thế giới để xây dựng, phát triển quy chế quản trị nội bộ công ty, bảo đảm tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện được tốt chức năng giám sát, thanh tra, kiểm soát.

#### **ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2015**

Năm 2015, dự báo thị trường chứng khoán sẽ có thêm bước phát triển vượt bậc về quy mô, chất lượng, thu hút được đông đảo thành viên niềm yết và nhà đầu tư. Mặt khác, ngành chứng khoán vẫn phải tiếp tục đối mặt với những khó khăn, thách thức hiện hữu bao gồm: nhất là vấn đề cạnh tranh, thị phần, vấn đề cải tiến và liên tục nâng cao chất lượng dịch vụ, phát triển sản phẩm mới, hỗ trợ khách hàng và nâng cao hiệu quả hoạt động.

Trong bối cảnh đó, Công ty CP Chứng khoán Artex xác định mục tiêu cho năm tài chính 2015 là "Mở rộng thị phần- Nâng cao chất lượng- Hiệu quả hoạt động", với các chỉ tiêu cụ thể là doanh số 18,1 tỷ đồng, (trong đó riêng doanh số môi giới 15 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 3,84 tỷ đồng.

Để đạt được các mục tiêu trên, HĐQT xác định định hướng hoạt động chủ yếu là:

- Tập trung đẩy mạnh hoạt động môi giới thông qua việc hoàn thiện cơ chế, chính sách nhân sự phát triển kinh doanh; nâng cao chất lượng cạnh tranh thông qua liên tục phát triển và cải tiến quy trình nghiệp vụ, sản phẩm, dịch tài chính và tiện ích giao dịch cho khách hàng.
- Tăng cường hoạt động quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn hoạt động, an toàn tài chính, tuân thủ các quy định của UBCK, Sở giao dịch để duy trì hoạt động ổn định và tạo sự phát triển bền vững. Đặt mục tiêu đưa công ty ra khỏi tình trạng kiểm soát đặc biệt trong 6 tháng cuối năm
- Đẩy mạnh công tác truyền thông, dưới nhiều hình thức và công cụ khác nhau, định hướng vào nâng cao thương hiệu, hình ảnh công ty và phục vụ trực tiếp cho nhiệm vụ phát triển khách hàng mới và mở rộng thị phần môi giới.

*Công ty CP Chứng khoán Artex thực hiện nhiệm vụ kinh doanh năm 2015 trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, thách thức, nhưng cũng có những thuận lợi cơ bản. Nếu như năm 2014 được coi là năm thành công, dưới góc độ tăng trưởng doanh số, lợi nhuận, và đặc biệt là đã đầu tư hoàn chỉnh công nghệ, nhân lực và các quy trình nghiệp vụ, thì năm 2015, được coi là năm tăng tốc, mở rộng hơn nữa quy mô và chất lượng hoạt động, với mục tiêu chính là thị phần môi giới. Với sự đồng lòng và quyết tâm của HĐQT, Ban điều hành và toàn thể các CBNV, Công ty sẽ hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh của năm 2015. HĐQT rất mong nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ cũng như tâm huyết của các Quý cổ đông.*

# Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2014 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex (sau đây viết tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008; Quyết định điều chỉnh số 141/UBCK-GP ngày 16/7/2008; Quyết định điều chỉnh số 370/UBCK-GP ngày 22/11/2010; Quyết định điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 11/1/2011; Quyết định điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 08/8/2011; Quyết định điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK ngày 20/1/2012 và Quyết định điều chỉnh số 107/GPĐC-UBCK ngày 16/8/2012; Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK ngày 4/9/2013; Giấy phép điều chỉnh số 17/GPĐC-UBCK ngày 5/8/2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty được Cục thuế thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế mã số 0102669368 ngày 11/3/2008.

Công ty thành lập Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 1129/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Vốn điều lệ theo Quyết định 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008 là: **135.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng).**

#### **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ: Tầng 5 Toà nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

#### **Các đơn vị trực thuộc**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 86-88 Phố Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Lĩnh vực kinh doanh:** Kinh doanh chứng khoán.

#### **Ngành nghề kinh doanh:**

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

**Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty tại ngày lập báo cáo:**

#### **Các thành viên Hội đồng quản trị:**

Ông Nguyễn Thanh Bình	Chủ tịch	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Bà Trần Thị Chung	Ủy viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Thanh	Ủy viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Ông Lưu Đức Quang	Ủy viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Huyền	Ủy viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014



**Các thành viên Ban kiểm soát:**

Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng ban	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Bà Phạm Thị Hải Ninh	Thành viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014

**Các thành viên Ban Tổng Giám đốc:**

Ông Lưu Đức Quang	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 05 năm 2014
Ông Lê Tiến Đông	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2014

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO CHỈ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và đảm bảo báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2014 của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xem xét và đánh giá một cách thận trọng tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014 theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2014 được đánh giá và trình bày trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực và hợp lý theo đúng quy định tại Thông tư số 226/2010/TT – BTC ngày 31/12/2010 và Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014.



Lưu Đức Quang

Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2015



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K

## THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

Trụ sở chính tại Hà Nội : Sân KT - TM và DV khu nhà ở CBCS CSITT - CAHN, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội - Tel: (04) 44 500 668 - Fax: (04) 44 500 669

Chi nhánh Miền nam : C14, Quang Trung, phường 11 - Tel: (08)3 589 7462 - Fax: (08)3 589 7464

Chi nhánh Quận 1 - TP. HCM : Số 28 Đặng Tất, quận 1, TP. HCM - Tel: (08)3 848 0763 - Fax: (08)3 526 7187

Chi nhánh Đà Nẵng : Số 42 Trần Tông, TP. Đà Nẵng - Tel: (0511)3 651 818 - Fax: (0511)3 651 868

Chi nhánh Lạng Sơn : Tô 2, khối 14, đường Bà Triệu - Tel: (025)3 718 545 - Fax: (025)3 716 264

Số: 147.4/2014/BCKT/TC

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính  
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex tại ngày 31/12/2014

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2014 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex được lập ngày 17 tháng 03 năm 2015 được trình bày từ trang 05 đến trang 11 đính kèm.

#### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty theo hướng dẫn tại Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 về “Quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán” và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### *Trách nhiệm của kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### *Ý kiến của kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2014 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và với quy định tại Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 về “Quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán” và Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC” của Bộ Tài chính.



Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2015

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K

Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



TU QUỲNH HẠNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0313-2014-045-1

LƯU ANH TUẤN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1026-2014-045-1

17  
03  
2015

101  
4.4.4  
1011

## BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2014

Chúng tôi cam đoan rằng:

(1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về "chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính" và Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC" của Bộ Tài chính;

(2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;

(3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Phụ trách kế toán

TRẦN THỊ THU HÀ

Bộ phận KSNB

NGUYỄN THỊ THANH THANH



Tổng Giám đốc

LƯU ĐỨC QUANG



## BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31/12/2014

### I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

Đơn vị tính: VND

STT	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn kinh doanh	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
A	Nguồn vốn	(1)	(2)	(3)
1	Vốn chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	135.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần	0		
3	Cổ phiếu quỹ (điều chỉnh giảm vốn khả dụng)	0		
4	Quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ	0		
5	Quỹ đầu tư phát triển	0		
6	Quỹ dự phòng tài chính	539.355.743		
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	539.355.742		
8	Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật	2.266.989.127		
9	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)	0		
10	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0		
11	Lợi ích của cổ đông thiểu số	0		
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			0
13	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		3.445.834.923	0
<b>1A</b>	<b>Tổng</b>	<b>134.899.865.689</b>		
<b>B</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>			
<i>I</i>	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>			
<i>II</i>	<i>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>			
1	Đầu tư ngắn hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại Khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại Khoản 5 Điều 5		0	
2	Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn			
<i>III</i>	<i>Các khoản phải thu ngắn hạn</i>			
1	Phải thu khách hàng			
	Phải thu khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		198.700.000	
2	Trả trước cho người bán		475.250.296	
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn			

STT	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn kinh doanh	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
	<i>Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			
	<i>Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		0	
4	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán			
	<i>Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			
	<i>Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		0	
5	Các khoản phải thu khác			
	<i>Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			
	<i>Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		31.734.339	
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>		0	
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>			
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		121.739.000	
2	Thuế GTGT được khấu trừ			
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước			
4	Tài sản ngắn hạn khác			
4.1	Tạm ứng			
	<i>Tạm ứng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			
	<i>Tạm ứng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		0	
4.2	Tài sản ngắn hạn khác		75.015.481	
<b>1B</b>	<b>Tổng</b>		<b>902.439.116</b>	
<b>C</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>			
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>			
1	Phải thu dài hạn của khách hàng			
	<i>Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			
	<i>Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		0	
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		0	
3	Phải thu dài hạn nội bộ			
	<i>Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			
	<i>Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		0	
4	Phải thu dài hạn khác			
	<i>Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống</i>			



STT	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn kinh doanh	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
	<i>Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày</i>		0	
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi			
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>2.904.016.000</b>	
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>		<b>0</b>	
<b>IV</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>			
1	Đầu tư vào công ty con		0	
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		0	
3	Đầu tư chứng khoán dài hạn			
	<i>Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại Khoản 2 Điều 8</i>			
	<i>Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại Khoản 5 Điều 5</i>			
4	Đầu tư dài hạn khác		0	
5	Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn			
<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.390.819.004</b>	
	<i>Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại BCTC năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5</i>		0	
<b>1C</b>	<b>Tổng</b>		<b>5.294.835.004</b>	
	<b>VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C</b>	<b>128.702.591.569</b>		

## II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

Đơn vị tính: VND

### A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>			<b>60,386,763,578</b>	<b>-</b>
1	Tiền mặt( VND)	0%	408.062.622	-
2	Các khoản tương đương tiền	0%	59,978,700,956	-
3	Giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ	0%	-	-
<b>II. Trái phiếu chính phủ</b>				<b>-</b>
4	Trái phiếu chính phủ không trả lãi			
5	Trái phiếu chính phủ trả lãi suất cố định			
6	Trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ các nước thuộc khối CECD hoặc được bảo lãnh bởi chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, IADC, AFDB, EIB và EBRB	5%	-	-
7	Trái phiếu công trình được chính phủ, bộ Tài chính bảo lãnh có	8%	-	-

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
	thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm.			
	Trái phiếu công trình được chính phủ, bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 tới năm.			
	Trái phiếu công trình được chính phủ, bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên.			
<b>III. Trái phiếu doanh nghiệp</b>				-
8	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	-	-
<b>IV. Cổ phiếu</b>			<b>8.010.269.087</b>	<b>875.348.958</b>
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng Khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ đại chúng dạng mở	10%	7.637.505.200	763.750.520
9	Cổ phiếu phổ thông cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng Khoán Hà Nội	15%	1.255.580	188.337
10	Cổ phiếu phổ thông cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	423.907	84.781
11	Cổ phiếu phổ thông cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch	30%	371.084.400	111.325.320
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	-	-
<b>V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán</b>				-
13	Quỹ đại chúng	10%	-	-
14	Quỹ thành viên	30%	-	-
<b>VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch</b>			<b>475.200</b>	<b>237.600</b>
15	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ năm trở đi	40%	-	-
16	Chứng khoán bị huỷ niêm yết, huỷ giao dịch	50%	475.200	237.600
<b>VII. Chứng khoán khác</b>				-
17	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	-	-
<b>VIII. Rủi ro tăng thêm (nếu có)</b>				-
18	Mã chứng khoán	Mức tăng	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro



Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		thêm		
	.....		-	-
	.....		-	-
<b>A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG</b> (A=I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)				<b>875.586.558</b>

#### B. RỦI RO THANH TOÁN

Loại hình giao dịch		Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro
		[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	
I	Rủi ro trước thời hạn thanh toán							
1	Tiền gửi kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản đảm bảo và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán	-	-	-	-	-	88.117.161.112	7.049.372.889
2	Cho vay chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-
3	Vay chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại	-	-	-	-	-	-	-
5	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại	-	-	-	-	-	-	-
6	Hợp đồng cho vay mua kỳ quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
II	Rủi ro quá thời hạn thanh toán	Hệ số rủi ro		Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro		
1	0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%						-
2	16-30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%						-
3	31-60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%						-

Loại hình giao dịch		Giá trị rủi ro					Tổng giá trị rủi ro
		[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	
4	Từ 60 ngày trở đi	100%		29.034.085.052		29.034.085.052	
III	Rủi ro tăng thêm (nếu có)	Mức tăng thêm		Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro	
	Chi tiết từng khoản vay, đối tác						
1	+ Công ty Cổ phần FLC Golf & Resort	30%		7.049.372.889		2.114.811.867	
		30%		-		-	
<b>B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III)</b>							<b>38.198.269.808</b>

### C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)

I.	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	20.261.568.358
	<i>Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí</i>	7.771.583.623
	1. Chi phí khấu hao	210.426.136
II.	2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	3.134.179.460
	3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	-
	4. Dự phòng phải thu khó đòi	4.426.978.027
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III=I-II)	12.498.984.735
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	3.122.496.184
V.	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	27.000.000.000
<b>C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max (IV, V))</b>		<b>27.000.000.000</b>
<b>D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)</b>		<b>66.073.856.366</b>

### III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

Đơn vị tính: VND

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị RR/ vốn KD	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	875.586.558	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	38.198.269.808	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	27.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	66.073.856.366	
5	Vốn khả dụng	128.702.591.569	
6	Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6=5/4)	194,79%	

Phụ trách kế toán

Bộ phận KSNB

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2015

Tổng Giám đốc





TRẦN THỊ THU HÀ

NGUYỄN THỊ THANH THANH

LƯU ĐỨC QUANG



# Báo cáo tài chính đã kiểm toán

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

### KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex (sau đây viết tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008; Quyết định điều chỉnh số 141/UBCK-GP ngày 16/7/2008; Quyết định điều chỉnh số 370/UBCK-GP ngày 22/11/2010; Quyết định điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 11/1/2011; Quyết định điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 08/8/2011; Quyết định điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK ngày 20/1/2012 và Quyết định điều chỉnh số 107/GPĐC-UBCK ngày 16/8/2012; Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK ngày 4/9/2013; Giấy phép điều chỉnh số 17/GPĐC-UBCK ngày 5/8/2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty được Cục thuế thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế mã số 0102669368 ngày 11/3/2008.

Công ty thành lập Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 1129/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Vốn điều lệ theo Quyết định 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008 là: **135.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng).**

### Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Tầng 5 Toà nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

### Các đơn vị trực thuộc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 86-88 Phố Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Lĩnh vực kinh doanh:** Kinh doanh chứng khoán.

### Ngành nghề kinh doanh:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

**Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty tại ngày lập báo cáo:**

### Các thành viên Hội đồng quản trị:

Ông Nguyễn Thanh Bình	Chủ tịch	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Bà Trần Thị Chung	Ủy viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Thanh	Ủy viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Ông Lưu Đức Quang	Ủy viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Huyền	Ủy viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014

### Các thành viên Ban kiểm soát:

Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng ban	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Bà Phạm Thị Hải Ninh	Thành viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014

### Các thành viên Ban Tổng Giám đốc:



Ông Lưu Đức Quang

Tổng Giám đốc

Bổ nhiệm ngày 16 tháng 05 năm 2014

Ông Lê Tiến Đông

Phó Tổng Giám đốc

Bổ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2014

## CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 họp ngày 15 tháng 05 năm 2014 đã ra những quyết định quan trọng sau:

+ Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cũ, đồng thời bầu ra Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát mới của Công ty.

+ Thông qua mức chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát áp dụng cho năm 2014.

+ Thông qua việc bổ nhiệm ông Lưu Đức Quang làm Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 16 tháng 05 năm 2014 (Theo Nghị quyết số 40/2014/NQ-HĐQT-ART ngày 16 tháng 05 năm 2014 của Hội đồng quản trị).

+ Thông qua việc hợp tác đầu tư vào dự án Xây dựng khu Golf – Resort – Vui chơi giải trí cao cấp hồ Cẩm Quý, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

Theo đó, Công ty đã thực hiện ký Hợp đồng đầu tư số 01/ART-G&R ngày 23/06/2014 với Công ty CP FLC Golf & Resort về việc đầu tư vào dự án "Khu sân Golf – Resort – Vui chơi giải trí cao cấp hồ Cẩm Quý" với số tiền: 119 tỷ đồng và đến ngày 30/7/2014 đã chuyển toàn bộ số tiền trên. Tuy nhiên, sau khi nghiên cứu lại Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài chính - "Hướng dẫn về thành lập công ty chứng khoán", Công ty nhận thấy việc ký kết và thực hiện hợp đồng trên chưa phù hợp với quy định về hạn chế đầu tư tại Điều 44 của Thông tư nên Công ty đã làm việc lại với Công ty CP FLC Golf & Resort tại Biên bản ngày... Theo đó, hai bên đồng ý hủy Hợp đồng số 01/ART-G&R ngày 23/06/2014 và Công ty CP FLC Golf & Resort phải trả lại số tiền đầu tư chậm nhất vào ngày 31/3/2015. Đến thời điểm lập Báo cáo này, Công ty CP FLC Golf & Resort đã thanh toán được cho Công ty số tiền là 30.882.838.888 VND.

Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, quyết định nêu trên của Công ty đã tuân thủ các quy định của Thông tư số 210 và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty cam kết chịu trách nhiệm và rủi ro đối với việc thu hồi số dư của khoản đầu tư còn lại nêu trên.

2. Về khoản nợ phải trả cho bà Phạm Thị Thành Thủy số tiền 30 tỷ đồng, chưa được Đại hội cổ đông có ý kiến xử lý nên tạm thời vẫn theo dõi trên sổ sách kế toán. Hội đồng quản trị Công ty đã cân nhắc việc xử lý khoản nợ theo nguyên tắc "Thận trọng" của Chuẩn mực kế toán nên quyết định đưa vấn đề này ra Đại hội cổ đông để lấy ý kiến và xử lý trong năm 2015.

Công ty cam kết chịu trách nhiệm trước các cơ quan chức năng về các vấn đề nêu trên.

3. Theo các quyết định của Hội đồng quản trị Công ty, kể từ ngày 10/07/2014, bà Trần Thị Thu Hà sẽ giữ chức vụ Phụ trách kế toán thay cho ông Nguyễn Thiện Phú.

4. Theo quyết định của Hội đồng quản trị Công ty, ông Lê Tiến Đông sẽ giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 27/10/2014.

5. Trong kỳ, cổ đông lớn của Công ty là ông Đường Ngọc Hà đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần là 2.000.000 cổ phần cho các đối tượng sau:

+ Ông Nguyễn Văn Thanh nhận chuyển nhượng 1.000.000 cổ phần (Số cổ phần sau chuyển nhượng là 1.008.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 7,47% số cổ phần của Công ty);

+ Ông Nguyễn Văn Mạnh nhận chuyển nhượng 1.000.000 cổ phần (Số cổ phần sau chuyển nhượng là 1.010.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 7,48% số cổ phần của Công ty).

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, ngoài sự kiện phát sinh sau năm tài chính nêu trên, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào khác có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lưu Đức Quang

Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2015



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K

## THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

Trụ sở chính tại Hà Nội : Sân KT - TM và DV khu nhà ở CBCS CSITT - CAHN, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội - Tel: (04) 44 500 668 - Fax: (04) 44 500 669  
Chi nhánh Miền nam : C14, Quang Trung, phường 11 - Tel: (08)3 589 7462 - Fax: (08)3 589 7464  
Chi nhánh Quận 1 - TP. HCM : Số 28 Đặng Tất, quận 1, TP. HCM - Tel: (08)3 848 0763 - Fax: (08)3 526 7187  
Chi nhánh Đà Nẵng : Số 42 Trần Tông, TP. Đà Nẵng - Tel: (0511)3 651 818 - Fax: (0511)3 651 868  
Chi nhánh Lạng Sơn : Tổ 2, khối 14, đường Bà Triệu - Tel: (025)3 718 545 - Fax: (025)3 716 264

Số: 147.3 /2014/BCKT/TC

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex, được lập ngày 14 tháng 03 năm 2015, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

#### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### *Trách nhiệm của kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### *Ý kiến của Kiểm toán viên:*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### *Vấn đề cần nhấn mạnh*

*Không phù hợp nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính rằng:*

1. Trang năm 2014, Công ty đã ký kết và thực hiện Hợp đồng số 01/ART-G&R ngày 23/06/2014 với Công ty



Cảm Quy" với giá trị 119 tỷ đồng (chiếm 88% Vốn điều lệ) là chưa phù hợp với quy định tại Điều 44 Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên tháng 12/2014, Công ty đã khắc phục bằng cách hủy hợp đồng và thu hồi khoản đầu tư. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này Công ty đã thu hồi được 30.882.838.888 đồng.

2. Khoản công nợ phải trả bà Phạm Thị Thành Thủy số tiền 30.666.500.000 đồng chưa được Công ty xử lý trong năm tài chính 2014.

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2015

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K

Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



**TỪ QUYNH HẠNH**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0313-2014-045-1

**LƯU ANH TUẤN**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1026-2014-045-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>190.021.530.336</b>	<b>140.672.877.601</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>60.386.763.578</b>	<b>12.347.914.805</b>
1. Tiền	111	V.01	60.386.763.578	12.347.914.805
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>126.125.526.879</b>	<b>121.950.346.736</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	129.573.740.322	122.264.380.719
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(3.448.213.443)	(314.033.983)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>V.03</b>	<b>3.312.485.398</b>	<b>6.349.192.728</b>
1. Phải thu khách hàng	131		141.000.000	141.000.000
2. Trả trước cho người bán	132		475.250.296	368.632.500
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		31.689.459.991	29.815.450.117
5. Các khoản phải thu khác	138		31.734.339	622.091.312
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(29.024.959.228)	(24.597.981.201)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>196.754.481</b>	<b>25.423.332</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.04	121.739.000	10.247.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	75.015.481	15.176.332
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>5.294.835.004</b>	<b>2.590.062.713</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.904.016.000</b>	<b>144.442.136</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	16.516.000	144.442.136
- Nguyên giá	222		9.278.926.988	9.278.926.988
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.262.410.988)	(9.134.484.852)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	2.887.500.000	0
- Nguyên giá	228		6.933.125.948	3.963.125.948
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.045.625.948)	(3.963.125.948)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.390.819.004</b>	<b>2.445.620.577</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	33.779.236	216.548.516
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263		2.357.039.768	2.229.072.061
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>195.316.365.340</b>	<b>143.262.940.314</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014**

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>89.443.837.399</b>	<b>61.638.084.160</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>89.443.837.399</b>	<b>61.638.084.160</b>
2. Phải trả người bán	312	V.09	352.305.200	702.210.708
3. Người mua trả tiền trước	313		198.700.000	888.700.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	2.442.647.289	301.328.129
5. Phải trả người lao động	315		787.714.432	662.570.381
6. Chi phí phải trả	316	V.11	1.066.859.630	3.728.925.000
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	30.111.893.929	30.124.813.524
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		54.080.656.386	24.825.902.135
10. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		0	573.750
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		403.060.533	403.060.533
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>105.872.527.941</b>	<b>81.624.856.154</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.13</b>	<b>105.872.527.941</b>	<b>81.624.856.154</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135.000.000.000	135.000.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		539.355.743	539.355.743
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		539.355.742	539.355.742
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(30.206.183.544)	(54.453.855.331)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>195.316.365.340</b>	<b>143.262.940.314</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
6. Chứng khoán lưu ký	006		408.318.930.000	449.170.270.000
Trong đó:				
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		133.408.840.000	303.473.040.000
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		3.661.120.000	58.670.000
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		129.747.720.000	303.414.370.000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		170.050.000.000	50.000.000

6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		170.050.000.000	50.000.000
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027		10.162.200.000	145.632.000.000
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		10.162.200.000	145.632.000.000
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037		94.697.890.000	15.230.000
6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038		2.005.300.000	
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		92.692.590.000	15.230.000
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083		303.480.000	

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2015

Người lập



NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG

Phụ trách kế toán



TRẦN THỊ THU HÀ



LƯU ĐỨC QUANG



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

*Năm 2014*

*Đơn vị tính: VND*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu</b>	<b>1</b>	<b>VI.14</b>	<b>44.461.564.235</b>	<b>41.959.490.564</b>
<i>Trong đó:</i>				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		12.516.860.828	1.402.524.319
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		644.794.107	652.693
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		195.454.536	272.727.272
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		286.947.243	220.643.783
- Doanh thu khác	01.9		30.817.507.522	40.062.942.497
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>2</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>10</b>		<b>44.461.564.235</b>	<b>41.959.490.564</b>
<b>4. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>11</b>	<b>VI.15</b>	<b>7.754.460.919</b>	<b>11.296.891.150</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>36.707.103.316</b>	<b>30.662.599.414</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>25</b>	<b>VI.16</b>	<b>12.507.107.439</b>	<b>52.297.891</b>
<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>24.199.995.877</b>	<b>30.610.301.523</b>
<b>8. Thu nhập khác</b>	<b>31</b>		<b>80.121.705</b>	<b>306.457.893</b>
<b>9. Chi phí khác</b>	<b>32</b>		<b>32.445.795</b>	<b>86.712.000.000</b>
<b>10. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>47.675.910</b>	<b>(86.405.542.107)</b>
<b>11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>24.247.671.787</b>	<b>(55.795.240.585)</b>
<b>12. Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>VI.17</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>13. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>52</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>24.247.671.787</b>	<b>(55.795.240.585)</b>
<b>15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>		<b>1.796</b>	<b>(4.133)</b>

*Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2015*

Người lập



**NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG**

Phụ trách kế toán



**TRẦN THỊ THU HÀ**

Tổng Giám đốc



**LƯU ĐỨC QUANG**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

*Năm 2014*

*(Theo phương pháp trực tiếp)*

*Đơn vị tính: VND*

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	01	30.359.794.829	11.604.273.370
2. Tiền chi hoạt động kinh doanh	02	(26.914.056.848)	(1.765.954.259)
4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06	4.987.667.650.782	714.111.538.865
5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07	(4.792.187.590.128)	(703.491.024.001)
7. Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	09	(165.047.100.000)	(10.160.000)
8. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10	(10.623.316.884)	(6.867.261.343)
9. Tiền chi trả cho người lao động	11	(1.737.324.323)	(2.111.396.150)
11. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	13	(21.434.188)	(182.744.331)
12. Tiền thu khác	14	356.905.337	7.245.362.470
13. Tiền chi khác	15	(5.401.153.067)	(100.077.638.415)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>16.452.375.510</b>	<b>(81.545.003.794)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	3.842.400.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(119.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	122.448.438.888	86.692.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	28.138.034.375	1.127.303
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>31.586.473.263</b>	<b>90.535.527.303</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>48.038.848.773</b>	<b>8.990.523.509</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	12.347.914.805	3.357.391.296
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	60.386.763.578	12.347.914.805

*Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2015*

Người lập



**NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG**

Phụ trách kế toán



**TRẦN THỊ THU HÀ**

Tổng Giám đốc



**LƯU ĐỨC QUANG**



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu kỳ		Số tăng/ giảm				Số dư cuối kỳ	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.000.000.000	135.000.000.000	0	0	0	0	135.000.000.000	135.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	0	0	0	0	0	0	0	0
8. Quỹ dự phòng tài chính	539.355.743	539.355.743	0	0	0	0	539.355.743	539.355.743
9. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	539.355.742	539.355.742	0	0	0	0	539.355.742	539.355.742
10. Lợi nhuận chưa phân phối	1.341.385.254	(54.453.855.331)	0	55.795.240.585	24.247.671.787	0	(54.453.855.331)	(30.206.183.544)
<b>Cộng</b>	<b>137.420.096.739</b>	<b>81.624.856.154</b>	<b>0</b>	<b>55.795.240.585</b>	<b>24.247.671.787</b>	<b>0</b>	<b>81.624.856.154</b>	<b>105.872.527.941</b>

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2015

Người lập



**NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG**

Phụ trách kế toán



**TRẦN THỊ THU HÀ**

Tổng Giám đốc



**LƯU ĐỨC QUANG**

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

#### 1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex (sau đây viết tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008; Quyết định điều chỉnh số 141/UBCK-GP ngày 16/7/2008; Quyết định điều chỉnh số 370/UBCK-GP ngày 22/11/2010; Quyết định điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 11/1/2011; Quyết định điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 08/8/2011; Quyết định điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK ngày 20/1/2012 và Quyết định điều chỉnh số 107/GPĐC-UBCK ngày 16/8/2012; Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK ngày 4/9/2013; Giấy phép điều chỉnh số 17/GPĐC-UBCK ngày 5/8/2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty được Cục thuế thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế mã số 0102669368 ngày 11/3/2008.

Công ty thành lập Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 1129/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Vốn điều lệ theo Quyết định 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008 là: **135.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng).**

#### Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Tầng 5 Toà nhà FLC Landmark Tower, Khu A, thôn Phú Mỹ, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

#### Các đơn vị trực thuộc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 86-88 Phố Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh chứng khoán.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

Kỷ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (Ký hiệu là VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.

#### Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính, các quyết định ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Trên máy vi tính.

### IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch huỷ lệnh, sửa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán.



### 1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền, công nợ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

### 1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

## 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

### 2.1. Nguyên tắc ghi nhận:

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

#### Phải thu khách hàng

Phải thu khách hàng bao gồm phải thu phí dịch vụ, cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư, phải thu tiền bán chứng khoán tự doanh chưa niêm yết.

#### Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm phải thu Trung tâm lưu ký chứng khoán về tiền bán chứng khoán của khách hàng, phải thu khách hàng về hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu phí môi giới chứng khoán, phải thu khác.

### 2.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT – BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

Số trích lập dự phòng phải thu khó đòi trong năm là: 4.426.978.027 đồng.

## 3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

**Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:** Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:** Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	3 năm
- Phương tiện vận tải	5 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 năm

## 4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

### 4.1. Nguyên tắc ghi nhận

#### Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (cổ phiếu, trái phiếu,...) được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.



## Đầu tư chứng khoán dài hạn

Đầu tư chứng khoán dài hạn (cổ phiếu, trái phiếu,...) được phân loại thành chứng khoán sẵn sàng để bán và được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

### 4.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

#### Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự} \\ \text{phòng tổn} \\ \text{thất các} \\ \text{khoản đầu tư} \\ \text{tài chính} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Vốn góp thực tế} \\ \text{của các bên tại tổ} \\ \text{chức kinh tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Vốn chủ} \\ \text{sở hữu thực} \\ \text{có} \end{array} \times \frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các} \\ \text{bên tại tổ chức kinh tế}}$$

#### Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn :

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính cho mỗi loại chứng khoán và tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự phòng} \\ \text{giảm giá đầu tư} \\ \text{chứng khoán} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng chứng khoán bị} \\ \text{giảm giá tại thời điểm lập} \\ \text{báo cáo tài chính} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá chứng} \\ \text{khoản hạch toán} \\ \text{trên sổ kế toán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá chứng khoán} \\ \text{thực tế trên thị} \\ \text{trường} \end{array}$$

- Đối với chứng khoán đã niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Đối với những chứng khoán niêm yết bị huỷ giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Số trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn trong năm là: 3.134.179.460 đồng.

### 5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí hoạt động kinh doanh nằm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.



## 6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

### **Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu.**

Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà công ty phải trả hệ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

### **Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư, phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán về tiền mua chứng khoán của khách hàng và phải trả cho khách hàng tiền bán chứng khoán

## 7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Hạch toán vào chi phí này là: Chi phí lãi vay, chi phí thuê văn phòng và các chi phí phải trả khác.

## 8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

## 9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

### **Doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### **Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán:**

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

### **Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn:**

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do công ty nắm giữ, lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích).



**Doanh thu hoạt động tư vấn:**

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

**Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán:**

Doanh thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

**Doanh thu khác:**

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi uỷ thác đầu tư, hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư, doanh thu khác..., được ghi nhận trên Báo cáo Kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi thu được từ các hợp đồng mua bán chứng khoán có kỳ hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thực thu.

**10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp**

**Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

**11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%

**12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính:** Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

**Các bên liên quan:** Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

Đơn vị tính: VND

01. Tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	408.062.622	4.904.462
- Tiền gửi ngân hàng	24.916.759.376	4.698.236.501
+ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	6.231.220.058	4.523.727.883
+ Tiền gửi của Công ty	18.685.539.318	174.508.618
- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	35.061.941.580	7.644.773.842
<b>Cộng</b>	<b>60.386.763.578</b>	<b>12.347.914.805</b>

Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Khối lượng GD thực hiện trong kỳ	Giá trị KLGD thực hiện trong kỳ
<b>a. Của công ty chứng khoán</b>	<b>2.842.960</b>	<b>51.481.311.329</b>
- Cổ phiếu	2.842.960	51.481.311.329
- Trái phiếu	0	0
- Chứng khoán khác	0	0
<b>b. Của nhà đầu tư</b>	<b>311.607.535</b>	<b>4.077.574.311.371</b>
- Cổ phiếu	311.607.535	4.077.574.311.371
- Trái phiếu	0	0
- Chứng khoán khác	0	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>314.450.495</b>	<b>4.129.055.622.700</b>

## 02. Đầu tư ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán				Số với giá trị tăng/giảm				Tổng giá trị theo giá trị tăng/giảm		Ghi chú	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Tăng		Giảm		Cuối năm	Đầu năm		
							Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm				
I. Chứng khoán thương mại	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
II. Chứng khoán đầu tư	596.810	36.226	11.456.579.210	698.780.719	0	0	3.447.748.255	314.033.983	8.008.830.955	384.746.736				(1)
1. Chứng khoán sẵn sàng để bán	596.810	36.226	11.456.579.210	698.780.719	0	0	3.447.748.255	314.033.983	8.008.830.955	384.746.736				
- Cổ phiếu	596.810	36.226	11.456.579.210	698.780.719	0	0	3.447.748.255	314.033.983	8.008.830.955	384.746.736				
2. Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
III. Đầu tư góp vốn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
IV. Đầu tư tài chính khác	0	0	118.117.161.112	121.565.600.000	0	0	0	0	118.117.161.112	121.565.600.000				
+ Công ty TNHH Newland Holdings VN	0	0	0	121.565.600.000	0	0	0	0	0	121.565.600.000				
+ Công ty Cổ phần FLC Golf & Resort	0	0	118.117.161.112	0	0	0	0	0	118.117.161.112	0				
<b>Tổng cộng</b>	<b>596.810</b>	<b>36.226</b>	<b>129.573.740.322</b>	<b>122.264.380.719</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>3.447.748.255</b>	<b>314.033.983</b>	<b>126.125.992.067</b>	<b>121.950.346.736</b>				

(1) Thuyết minh chi tiết tại Phụ Lục 1



03. Các khoản phải thu

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Số đầu năm			Số phát sinh trong năm		Số cuối năm			Số dự phòng
	Trong kỳ	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Trong kỳ	Số quá hạn	Số khó đòi	
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1. Phải thu của khách hàng	141.000.000	141.000.000	141.000.000	215.000.000	215.000.000	141.000.000	141.000.000	141.000.000	141.000.000
2. Trả trước cho người bán	368.632.500	-	-	3.490.334.412	3.383.716.616	475.250.296	-	-	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	29.815.450.117	29.794.682.559	29.794.682.559	3.955.054.236	2.081.044.362	31.689.459.991	28.919.413.121	28.919.413.121	28.883.959.228
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	29.815.450.117	29.794.682.559	29.794.682.559	1.185.007.366	2.081.044.362	28.919.413.121	28.919.413.121	28.919.413.121	28.883.959.228
- Phải thu tiền bán chứng khoán tự doanh	-	-	-	2.770.046.870	-	2.770.046.870	-	-	-
5. Phải thu khác	622.091.312	-	-	33.357.832.466	33.948.189.439	31.734.339	-	-	-
- Lãi phải thu từ các Hợp đồng ủy thác đầu tư	617.161.112	-	-	28.314.324.672	28.905.217.253	26.268.531	-	-	-
+ Công ty TNHH Newland	-	-	-	28.314.324.672	28.288.056.141	26.268.531	-	-	-

Holdings VN (Trước là Công ty TNHH BDS SG Invest) (2)												
+ Công ty Cổ phần FLC Golf & Resort (1)	617.161.112	-	-	-	617.161.112	-	-	-	-	-	-	-
- Các khoản phải thu khác	4.930.200	-	-	5.043.507.794	5.042.972.186	5.465.808	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng cộng:</b>	<b>30.947.173.929</b>	<b>29.935.682.559</b>	<b>29.935.682.559</b>	<b>41.018.221.114</b>	<b>39.627.950.417</b>	<b>32.337.444.626</b>	<b>29.060.413.121</b>	<b>29.060.413.121</b>	<b>29.060.413.121</b>	<b>29.024.959.228</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



04. Chi phí trả trước ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phí dịch vụ Internet	1.997.000	10.247.000
- Phần mềm máy tính	18.509.000	0
- Chi phí công cụ dụng cụ	65.174.000	0
- Chi phí khác	36.059.000	0
<b>Cộng</b>	<b>121.739.000</b>	<b>10.247.000</b>

05. Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tạm ứng	65.015.481	15.176.332
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	10.000.000	0
<b>Cộng</b>	<b>75.015.481</b>	<b>15.176.332</b>

06. Tình hình tăng, giảm TSCĐ hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>				
Số dư đầu năm	7.893.047.276	1.098.957.300	286.922.412	9.278.926.988
Số dư cuối năm	7.893.047.276	1.098.957.300	286.922.412	9.278.926.988
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	7.748.605.140	1.098.957.300	286.922.412	9.134.484.852
- Khấu hao trong năm	127.926.136	-	-	127.926.136
Số dư cuối kỳ	7.876.531.276	1.098.957.300	286.922.412	9.262.410.988
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH</b>				
- Tại ngày đầu năm	144.442.136	-	-	144.442.136
- Tại ngày cuối năm	16.516.000	-	-	16.516.000

07. Tình hình tăng, giảm TSCĐ vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm tin học	TSCĐ vô hình khác	Tổng Cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>			
Số dư đầu năm	2.598.343.400	1.364.782.548	3.963.125.948
- Mua trong năm	2.970.000.000	-	2.970.000.000

Số dư cuối năm	5.568.343.400	1.364.782.548	6.933.125.948
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	2.598.343.400	1.364.782.548	3.963.125.948
- Khấu hao trong năm	82.500.000	-	82.500.000
Số dư cuối kỳ	2.680.843.400	1.364.782.548	4.045.625.948
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ VH</b>			
- Tại ngày đầu năm	-	-	-
- Tại ngày cuối năm	2.887.500.000	-	2.887.500.000

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>08. Chi phí trả trước dài hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	26.182.900	155.989.950
- Chi phí khác	7.596.336	60.558.566
<b>Cộng</b>	<b>33.779.236</b>	<b>216.548.516</b>
<b>09. Phải trả người bán</b>		
- Công ty CP FLC Land	0	406.386.983
- Công ty CP công nghệ tin học và dịch vụ Goline	145.000.000	0
- Công ty Luật TNHH SMIC	191.159.100	191.159.100
- Các đối tượng khác	16.146.100	104.664.625
<b>Cộng</b>	<b>352.305.200</b>	<b>702.210.708</b>
<b>10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>		
- Thuế thu giá trị gia tăng	0	27.272.728
- Thuế thu nhập cá nhân	2.442.647.289	274.055.401
<b>Cộng</b>	<b>2.442.647.289</b>	<b>301.328.129</b>
<b>11. Chi phí phải trả</b>		
- Chi phí phải trả cho Hợp đồng uỷ thác quản lý vốn với bà Phạm Thị Thành Thủy (1)	666.500.000	666.500.000
- Chi phí thuê văn phòng	0	2.890.000.000
- Chi phí tư vấn	172.425.000	172.425.000
- Chi phí khác	227.934.630	0
<b>Cộng</b>	<b>1.066.859.630</b>	<b>3.728.925.000</b>



12. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	38.671.998	15.892.183
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.682.328	49.566.873
- Phạm Thị Thanh Thuỷ (1)	30.000.000.000	30.000.000.000
- Các khoản khác	71.539.603	59.354.468
<b>Cộng</b>	<b>30.111.893.929</b>	<b>30.124.813.524</b>

(1) Lãi và gốc của Hợp đồng uỷ thác quản lý vốn số 92/2010/HĐUT/ARTEC-PTTT ngày 21/9/2010 và Phụ lục số 01 ngày 21/12/2010. Bên uỷ thác là bà Phạm Thị Thanh Thuỷ. Hợp đồng đã hết hạn ngày 21/1/2011 và chưa được gia hạn thêm.

### 13. Vốn chủ sở hữu

#### 13.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>I - Vốn chủ sở hữu</b>				
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.000.000.000	-	-	135.000.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	539.355.743	-	-	539.355.743
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	539.355.742	-	-	539.355.742
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(54.453.855.331)	24.247.671.787	-	(30.206.183.544)
<b>Tổng cộng</b>	<b>81.624.856.154</b>	<b>24.247.671.787</b>	-	<b>105.872.527.941</b>

#### 13.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
- Vốn góp của tổ chức và cá nhân	135.000.000.000	135.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>135.000.000.000</b>	<b>135.000.000.000</b>

#### 13.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu năm	135.000.000.000	135.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	0	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	135.000.000.000	135.000.000.000
<b>Cổ tức và lợi nhuận đã chia</b>		

<b>13.3 Cổ phiếu</b>	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.500.000	13.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.500.000	13.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.500.000	13.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.500.000	13.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.500.000	13.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>14. Doanh thu</b>		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	12.516.860.828	1.402.524.319
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	644.794.107	652.693
- Doanh thu hoạt động tư vấn	195.454.536	272.727.272
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	286.947.243	220.643.782
- Doanh thu khác	30.817.507.521	40.062.942.497
<i>Trong đó: Lãi uỷ thác đầu tư</i>	<i>28.314.324.672</i>	<i>12.443.200.001</i>
<b>Cộng</b>	<b>44.461.564.235</b>	<b>41.959.490.564</b>
<b>15. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>		
- Chi phí môi giới kinh doanh chứng khoán	3.323.063.304	725.250.394
- Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	1.012.838.569	757.052.315
- Chi phí hoạt động tư vấn	210.000.000	0
- Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	0	0
- Chi phí dự phòng	3.134.179.460	32.751.053
- Chi phí khác	74.379.586	9.781.837.388
<b>Cộng</b>	<b>7.754.460.919</b>	<b>11.296.891.150</b>



16. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	2.429.509.859	3.109.853.907
- Chi phí khấu hao TSCĐ	210.426.136	262.319.300
- Thuế, phí, lệ phí	92.445.772	27.342.752
- Dự phòng	4.677.572.809	(10.959.389.337)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.890.263.247	7.320.919.269
- Chi phí bằng tiền khác	206.889.616	291.252.000
<b>Cộng</b>	<b>12.507.107.439</b>	<b>52.297.891</b>

17. Chi phí thuế TNDN hiện hành	Năm nay
1. Tổng lợi nhuận kết toán trước thuế	24.247.671.787
2. Các khoản thu nhập không được tính vào thu nhập chịu thuế TNDN	0
3. Các khoản chi phí không được giảm trừ vào thu nhập chịu thuế	21.434.188
4. Số lỗ kết chuyển	24.269.105.975
5. Số thu nhập chịu thuế TNDN trong năm( 4=1-2+3-4)	0
6. Chi phí thuế TNDN hiện hành( 5=4x22%)	0

## VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

### 1. Công cụ tài chính

#### 1.1. Quản lý rủi ro vốn

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm : Vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

#### 1.2. Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
- Tiền, các khoản tương đương tiền	60.386.763.578	60.386.763.578
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	129.573.740.322	126.125.526.879
- Các khoản phải thu khách hàng	141.000.000	-
- Trả trước cho người bán	475.250.296	475.250.296
- Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	31.689.459.991	-
- Phải thu khác	31.734.339	31.734.339

### 1.3. Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo dung quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay, phải trả đã được ghi nhận trong năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Số dư ngày 31/12/2014

- Phải trả người bán	352.305.200
- Người mua trả tiền trước	198.700.000
- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	54.080.656.386
- Chi phí phải trả	1.066.859.630
- Phải trả khác	30.111.893.929

### 1.4. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty liên tục nghiên cứu và theo dõi đối biến động giá cả các mã chứng khoán để đưa ra những quyết định mang lại lợi ích cho Công ty.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Đối tượng	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
- Phải trả người bán	352.305.200		352.305.200
- Người mua trả trước	198.700.000		198.700.000
- Phải trả khác	30.111.893.929		30.111.893.929
- Chi phí phải trả	1.066.859.630		1.066.859.630
- Phải trả hoạt động gd CK	54.080.656.386		54.080.656.386

### 2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long – T.D.K (nay là Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K).

### 3. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan.

Tại thời điểm cuối năm, Công ty không có số dư với các bên liên quan.

### 4. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc trong năm:

Các bên liên quan	Chức vụ	Số tiền (VND)
Thù lao Hội đồng Quản Trị		
Ông Doãn Văn Phương	Chủ tịch HĐQT cũ	12.000.000



Ông Nguyễn Văn Thanh	Thành viên	16.000.000
Ông Đường Ngọc Hà	Thành viên	8.000.000
Ông Dương Kim Ngọc	Thành viên	8.000.000
Ông Nguyễn Thanh Bình	Chủ tịch HĐQT mới	32.000.000
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên	16.000.000
Bà Trần Thị Chung	Thành viên	20.000.000
<b>Thù lao Ban kiểm soát</b>		
Ông Lưu Đức Quang	Trưởng ban cũ, TV HĐQT mới	24.000.000
Bà Phạm Thị Hải Ninh	Thành viên	8.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	8.000.000
Ông Phan Văn Trường	Thành viên	4.000.000
Ông Lê Đình Vinh	Thành viên	4.000.000
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng ban mới	16.000.000
<b>Thù lao Ban Giám đốc</b>		
Ông Lưu Đức Quang	Tổng Giám đốc	264.066.667
Ông Lê Tiến Đông	Phó Tổng Giám đốc	59.869.565

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2015

Người lập



NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG

Phụ trách kế toán



TRẦN THỊ THU HÀ

Tổng Giám đốc



LƯU ĐỨC QUANG

## PHỤ LỤC 1

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường		Ghi chú
	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	
<b>I. Chứng khoán thương mại</b>									
- Cổ phiếu									
- Trái phiếu									
- Chứng chỉ quỹ									
- Chứng khoán khác									
<b>II. Chứng khoán đầu tư</b>									
<b>1. Chứng khoán sẵn sàng để bán</b>	<b>596.810</b>	<b>36.226</b>	<b>11.456.579.210</b>	<b>698.780.719</b>	<b>(3.448.213.443)</b>	<b>(314.033.983)</b>	<b>8.008.830.955</b>	<b>384.746.736</b>	
- Cổ phiếu	596.810	36.226	11.456.579.210	698.780.719	(3.448.213.443)	(314.033.983)	8.008.830.955	384.746.736	
EVE	6	6	157.744	157.744		0	157.8000	174.000	
(ITASCO)	5.000	5.000	110.000.000	110.000.000		0	110.000.000	110.000.000	
BVS	0	60	0	1.069.384		(391.384)	0	678.000	
CDC	5	5	0	0		0	46.500	27.500	
CIC	82	82	697.500	697.500		(549.900)	697.500	147.600	
CSC	8	80	0	1.528.000	0	(792.000)	68.055	736.000	
CTG	3	3	69.646	69.646	(28.246)	(21.046)	41.400	48.600	
DCS	0	61	0	397.300		(159.400)	0	237.900	
DIG	8	7	127.797	127.797	(22.997)	(40.997)	104.800	86.800	
DQC	8	8	191.300	191.300		0	440.000	269.600	
DTL	7	7	121.100	121.100	(56.000)	(38.500)	65.100	82.600	
EIB	6	16	72.450	193.200	(116.400)	0	76.800	200.000	
FPT	2	2	102.600	102.600	(6.600)	(8.400)	96.000	94.200	
GGG	72	72	499.980	499.980	(391.980)	(370.380)	108.000	129.600	
GMD	6	6	141.600	141.600		0	173.400	201.600	
HAI	366.060		8.544.861.730		(3.090.567.730)		5.454.294.000		
HAP	9	9	66.500	66.500		(7.100)	72.900	59.400	
HBS	0	70	0	917.000		(588.000)	0	329.000	
HILA	4	4	34.800	34.800	(27.600)	(16.400)	7.200	18.400	
HIG	5	15	42.667	128.000	(25.667)	(42.500)	17.000	85.500	
HNM	0	50	0	395.000		0	0	400.000	
HPC	0	66	0	483.556		(245.956)	0	237.600	



HSG	6	6	86.400	86.400	86.400		0	285.000	247.800
HVT	0	32	0	255.000	0		0	0	476.800
ICG	0	88	0	1.037.600	0		(483.200)	0	554.400
ITA	4	4	52.800	52.800	52.800	(20.800)	(26.400)	32.000	26.400
KDC	1	1	44.500	44.500	44.500		0	49.900	51.000
FLC	200.000		2.310.000.000			(130.000.000)		2.180.000.000	
KLS	0	95	0	1.344.500	1.344.500		(518.000)	0	826.500
KMR	4	14	23.543	82.400	82.400		0	28.400	99.400
LAF	6	6	113.400	113.400	113.400	(41.400)	(64.800)	72.000	48.600
MCG	5	5	64.500	64.500	64.500	(32.500)	(37.500)	32.000	27.000
MEC	0	50	0	572.500	572.500		(252.500)	0	320.000
MHC	5	5	27.000	27.000	27.000		(7.000)	80.000	20.000
NSC	1	1	33.900	33.900	33.900		0	80.000	77.000
PIT	6	5	54.000	54.000	54.000	(7.200)	(20.000)	46.800	34.000
POT	0	76	0	722.000	722.000		(167.200)	0	554.800
PPC	5	15	55.833	167.500	167.500		0	132.000	376.500
PTL	7	7	65.800	65.800	65.800	(44.100)	(45.500)	21.700	20.300
PVC	0	80	0	1.755.000	1.755.000		(611.000)	0	1.144.000
PVI	0	7	0	118.509	118.509		0	0	128.100
PVS	0	51	0	894.859	894.859		0	0	1.020.000
PVX	0	4	0	46.935	46.935		(35.335)	0	11.600
QNC	7	7	105.916	105.916	105.916	(47.816)	(68.116)	58.100	37.800
REE	8	8	0	0	0		0	225.600	236.800
SD2	0	13	0	151.042	151.042		(40.542)	0	110.500
SD9	0	32	0	677.576	677.576		(277.576)	0	400.000
SDA	0	20	0	266.667	266.667		(118.667)	0	148.000
SDB	0	4.000	0	76.800.000	76.800.000		(69.200.000)	0	7.600.000
SDP	0	22	0	294.800	294.800		(162.800)	0	132.000
SEC	6	6	128.500	128.500	128.500	(52.900)	(40.000)	75.600	87.600
SHB	0	43	0	551.000	551.000		(258.600)	0	292.400
SHN	0	80	0	1.344.000	1.344.000		(1.080.000)	0	264.000
SHS	0	92	0	984.400	984.400		(441.600)	0	542.800
SJE	0	20	0	288.000	288.000		0	0	320.000
SJS	5	5	230.500	230.500	230.500	(105.000)	(138.000)	125.500	92.500

SRC	7	7	154.933	154.933			(18.433)	238.000	136.500
SSM	0	21	0	306.600			(123.900)	0	182.700
STB	4	4	54.464	54.464			0	72.000	68.800
TCM	2	2	35.000	35.000			0	64.000	41.200
TECHCOMBANK	25.348	25.348	487.009.600	487.009.600		(225.925.200)	(234.290.040)	261.084.400	252.719.560
TKC	0	93	0	1.062.500			(718.400)	0	344.100
TLH	9	9	66.600	66.600			0	80.100	67.500
V11	48	48	475.200	475.200		(388.800)	(422.400)	86.400	52.800
VCG	0	20	0	430.904			(228.904)	0	202.000
VCS	0	54	0	992.000			(279.200)	0	712.800
VNC	0	66	0	1.000.000			(148.600)	0	851.400
VPH	5	5	85.500	85.5		(33.000)	(43.000)	52.500	42.500
VSP	20	20	423.907	423.907		(387.907)	(393.907)	36.000	30.000
- Trái phiếu chính phủ (chi tiết danh mục trái phiếu chính phủ bị giảm giá/rủi ro)									
- Trái phiếu công ty (chi tiết danh mục trái phiếu công ty bị giảm giá/rủi ro)									
- Chứng chỉ quỹ (chi tiết danh mục chứng chỉ quỹ bị giảm giá/rủi ro)									
- Chứng khoán khác (cổ phiếu OTC không xác định được giá thị trường)									

Người lập



NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG

Phụ trách kế toán



TRẦN THỊ THU HÀ

Lập, ngày 25 tháng 02 năm 2015

Giống Giám đốc



LÊ ĐỨC QUANG



